



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý
của cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự án Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi)**

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức

Căn cứ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, ngày 07/6/2024, Bộ Tài chính đã có công văn số 5949/BTC-CST gửi lấy ý kiến về dự án Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) (sửa đổi).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

Các cơ quan, tổ chức được gửi lấy ý kiến theo công văn số 5949/BTC-CST bao gồm các Bộ ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Hiệp hội doanh nghiệp về hồ sơ dự án Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) (sửa đổi), đồng thời gửi đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân.

Đến ngày 22/7/2024, Bộ Tài chính đã nhận được tổng số 71 văn bản tham gia ý kiến (19 Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 51 địa phương, 01 Hiệp hội, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị khác), trong đó: 28 đơn vị nhất trí/hoàn toàn nhất trí/thống nhất; cụ thể:

Trong số 28 ý kiến nhất trí/hoàn toàn nhất trí/thống nhất với dự thảo Luật thuế (TNDN) sửa đổi bao gồm:

- Có 7/tổng số 27 Bộ, ngành, tổ chức thuộc Chính phủ: Bộ Ngoại giao (công văn số 3487/BNG-PLQT ngày 10/7/2024), Đài Tiếng nói Việt Nam (công văn số 1673/TNVN-VP ngày 26/6/2024), Bảo hiểm xã hội Việt Nam (công văn số 1867/BHXH-TCKT ngày 14/6/2024), Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh (công văn số 1055/BQLL-VP ngày 24/6/2024), Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (công văn số 1484/VHL-KHTC ngày 27/6/2024), Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam (công văn số 1041/KHXH-VNNPL ngày 05/7/2024), Thông tấn xã Việt Nam (công văn số 729/TTX-KHTC ngày 26/6/2024).

- Có 21/63 Tỉnh, Thành phố: Vĩnh Long (công văn số 3896/UBND-TH ngày 26/6/2024), Hà Giang (công văn số 722/CTHGI-NVDTPC ngày 28/6/2024), Lạng Sơn (công văn số 859/UBND-KT ngày 26/6/2024), Bình Dương (công văn số 2001/STC-QLNS ngày 21/6/2024), Vĩnh Phúc (công văn số 1349/STC-QLNS ngày 01/7/2024), Hậu Giang (công văn số 1964/STC-QLNS ngày 27/6/2024), Đắk Nông (công văn số 3714/UBND-KT ngày 27/6/2024), Bắc Giang (công văn số 4590/CTBGI-NVDTPC ngày 27/6/2024), Ninh Thuận (công văn số 2569/STC-VP ngày 26/6/2024), Lai Châu (công văn số 1126/STC-GCS&TCND ngày 25/6/2024), Sóc Trăng (công văn số 2822/STC-GCSDN ngày 20/6/2024), Lâm Đồng (công văn số 5376/UBND-TH₂ ngày 02/7/2024), Tây Ninh (công văn số 1967/UBND-KT ngày 03/7/2024), Bạc Liêu (công văn số 2538/UBND-TH ngày 03/7/2024), Quảng Bình (công văn số 1220/UBND-TH ngày 03/7/2024), Sơn La (công văn số 2312/STC-TCND ngày 01/7/2024), An Giang (công văn số 1851/CTAGI-NVDTPC ngày 28/6/2024), Thái Bình (công văn số 3684/CTTBI-NVDTPC ngày 02/7/2024), Kon Tum (công văn số 2294/UBND-KTTH ngày 28/6/2024), Hà Nam (công văn số 1668/CTHNA-NVDTPC ngày 01/7/2024), Đắk Lắk (công văn số 6122/UBND-KT ngày 09/7/2024).

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1. Về người nộp thuế (Điều 2 dự thảo Luật)			
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (công văn số 4865/BNN-TC ngày 09/7/2024)	<p>1. Về người nộp thuế (Điều 2 dự thảo Luật) Đề nghị xem xét, bổ sung “<i>tập hợp các đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia</i>” thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập bổ sung tại khoản 5 Điều 2 dự thảo luật để đảm bảo thống nhất với khoản 1 Điều 20 dự thảo luật.</p> <p>Lý do: Khoản 5 Điều 2 quy định đối tượng nộp thuế TNDN bổ sung là “<i>đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia</i>”. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 20 dự thảo luật quy định cả 02 đối tượng là “<i>đơn vị hợp thành hoặc tập hợp các đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia</i>” và dẫn chiếu đến khoản 5 Điều 2. Như vậy, quy định về đối tượng chịu thuế TNDN bổ sung chưa thống nhất giữa 02 Điều, Khoản trong cùng dự thảo luật.</p> <p>2. Về giải thích từ ngữ</p>	Nội dung tại dự thảo Luật đã đảm bảo kế thừa toàn bộ các nội dung tại Nghị quyết số 107/2023/QH15

		<p>Đề nghị bổ sung một điều về giải thích từ ngữ (vào sau Điều 1. Phạm vi điều chỉnh), đồng thời chuyển toàn bộ nội dung giải thích từ ngữ tại Điều 19 dự thảo luật đề quy định tại Điều về giải thích từ ngữ mới được bổ sung.</p> <p>Lý do: Để đảm bảo phù hợp với bố cục của một dự án luật.</p>	<p>Nội dung quy định tại Điều 19 dự thảo Luật chỉ quy định phạm vi áp dụng thuế TNDN bổ sung theo quy định tại Chương IV không áp dụng cho toàn bộ nội dung Luật.</p>
	Bộ Công thương (công văn số 4944/BCT-KHTC ngày 12/7/2024)	<p>Về việc sử dụng thuật ngữ “nền tảng công nghệ số”</p> <p>Dự thảo Luật đang sử dụng thuật ngữ “nền tảng công nghệ số” tại điểm d khoản 2 Điều 2, khoản 3 Điều 3, khoản 2 Điều 5, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo sửa đổi thuật ngữ này thành “nền tảng số” để phù hợp với thuật ngữ đã được sử dụng tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023.</p>	<p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.</p>
	UBND tỉnh TP. Hải Phòng (công văn số 2467/CTHPH-TTHT ngày 27/6/2024 của Cục thuế)	<p>Theo quy định tại Điều 2 Luật thuế TNDN hiện hành cũng như Dự thảo Luật thuế TNDN sửa đổi quy định về người nộp thuế:</p> <p>“1. Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật này (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm:...”</p> <p>Đồng thời lại có quy định phương pháp tính thuế TNDN theo tỷ lệ (%) trên doanh thu mà không phụ thuộc vào việc người nộp thuế có thực sự có thu nhập chịu thuế hay không?</p> <p>Vi vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, sửa đổi bổ sung quy định về người nộp thuế TNDN để phù hợp và bao trùm tất cả các phương pháp tính thuế.</p>	<p>Các nội dung này đều được kế thừa quy định của pháp luật thuế TNDN hiện hành và thực tế thực hiện thời gian qua không phát sinh vướng mắc về nội dung này.</p>
	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (công văn số 981/CTTH-NVDTPC ngày 03/7/2024 của Cục thuế)	<p>- Tại điểm d khoản 2 Điều 2, khoản 3 Điều 3, khoản 2 Điều 5 dự thảo:</p> <p>Đề nghị sửa đổi cụm từ “địa điểm tiến hành kinh doanh” thành “địa điểm kinh doanh”.</p> <p>Lý do: Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 3 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế:</p> <p>“Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Ngoài các từ ngữ đã được quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, một số từ ngữ trong Thông tư này được hiểu như sau:</p>	<p>Nội dung tại dự thảo Luật kế thừa các quy định đang áp dụng hiện hành, không phát sinh vướng mắc.</p>

		<p>9. “Địa điểm kinh doanh” là nơi người nộp thuế tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh (trừ địa điểm của trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc).”</p> <p>Như vậy, pháp luật quản lý thuế hiện hành đã quy định rõ về khái niệm “địa điểm kinh doanh”. Do đó, đề nghị sửa đổi cụm từ “địa điểm tiến hành kinh doanh” thành “địa điểm kinh doanh” để tạo sự đồng bộ, thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Tại điểm d khoản 2 Điều 2 dự thảo: “d)... Chính phủ quy định cụ thể việc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nước ngoài có <u>thu nhập phát sinh</u> tại Việt Nam quy định tại điểm này.”</p> <p>Đề nghị sửa đổi như sau: “d)... Chính phủ quy định cụ thể việc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nước ngoài có <u>thu nhập chịu thuế phát sinh</u> tại Việt Nam quy định tại điểm này.”</p> <p>Lý do: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 2 dự thảo: “Điều 2. Người nộp thuế 1. Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có <u>thu nhập chịu thuế</u> theo quy định của Luật này (sau đây gọi là doanh nghiệp)...”.</p> <p>Vì vậy, đề nghị dự thảo quy định cụ thể “thu nhập chịu thuế phát sinh” thay vì “thu nhập phát sinh” để hiệu thống nhất khi triển khai áp dụng.</p>	
	<p>UBND tỉnh Quảng Ngãi (công văn số 3145/CTQNG-NVDTPC ngày 01/7/2024 của Cục thuế)</p>	<p>Khoản 2, Điều 2. Người nộp thuế a) Tại điểm a khoản 1 Điều 2, bổ sung, điều chỉnh đoạn “a. Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật chứng khoán, Luật Dầu khí, Luật Thương Mại và các văn bản quy phạm pháp luật khác dưới các hình thức như...”, thành “a. Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp Luật Đầu tư, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật chứng khoán, Luật Dầu khí, Luật Thương Mại, <u>Luật các tổ chức tín dụng</u> và các văn bản quy phạm pháp luật khác”.</p> <p>Lý do: Thêm “Luật Các tổ chức tín dụng”, đồng thời bỏ phần liệt kê chi tiết loại hình doanh nghiệp vì liệt kê có thể không đầy đủ các loại</p>	<p>Tại điểm d khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật đã có quy định mang tính bao quát: Tổ chức khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập.</p>

		<p>hình phát sinh trên thực tế.</p> <p>b) Tại điểm d khoản 1 Điều 2, bổ sung đoạn “<i>d. ..., kinh doanh trên nền tảng công nghệ số, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh.</i>” thành “<i>d. ..., <u>kinh doanh trên nền tảng số và các dịch vụ khác, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh.</u></i>”</p> <p>Lý do: Để đảm bảo phù hợp với từ ngữ quy định trong Luật Quản lý thuế. Thông tư số 80/2021/TT-BTC và Thông tư số 105/2020/TT-BTC. Đồng thời đề nghị thay đổi toàn bộ cụm từ “<i>kinh doanh trên nền tảng công nghệ số</i>” thành “<i>kinh doanh trên nền tảng số và các dịch vụ khác</i>” trong toàn bộ Dự thảo Luật.</p> <p>c) Tại điểm a khoản 2 Điều 2, bỏ từ “<i>tu</i>” phía sau cụm từ “<i>Văn phòng công chứng</i>”; Cụ thể: “<i>a).. Văn phòng luật sư, Văn phòng công chứng: ...</i>”</p> <p>Lý do: Để đảm bảo sự thống nhất về từ ngữ với quy định về pháp luật công chứng.</p>	<p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật</p> <p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật</p>
	<p>UBND thành phố Cần Thơ (công văn số 3073/CTCTH-NVDTPC ngày 28/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>1. Người nộp thuế</p> <p>Với sự phát triển của mô hình kinh doanh mới và số hóa nền kinh tế thì việc bổ sung đối tượng nộp thuế mới có thu nhập tại Việt Nam mà không cần sự hiện diện vật lý là cần thiết. Nội dung này đã được bổ sung tại điểm d, khoản 2, Điều 2 của dự thảo Luật:</p> <p>“<i>Điều 2. Người nộp thuế</i></p> <p><i>2. Doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:</i></p> <p><i>d) Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam, bao gồm cả thu nhập từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng công nghệ số, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh.</i></p> <p><i>Chính phủ quy định cụ thể việc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập phát sinh tại Việt Nam quy định tại điểm này”.</i></p> <p>Tuy nhiên, nội dung “<i>thu nhập từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng công nghệ số, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh</i></p>	<p>Nội dung này đã được tham khảo kinh nghiệm một số quốc gia và sẽ được hướng dẫn cụ thể tại Nghị định của Chính phủ.</p>

		<p><i>doanh</i>” là quá rộng và chưa rõ phạm vi loại hình kinh doanh nào. Nếu theo dự thảo Luật, thì kinh doanh thương mại điện tử bao gồm cả trường hợp một doanh nghiệp của thế giới bán hàng qua mạng vào Việt Nam cũng có thể phải nộp thuế TNDN tại Việt Nam. Điều này là không phù hợp và thiếu khả thi vì đây là hoạt động kinh doanh thông thường, hàng hóa đó khi nhập khẩu vào Việt Nam chỉ phải chịu thuế tiêu dùng (nhập khẩu, GTGT, TTĐB). Đề nghị Ban soạn thảo 2 tham khảo mô hình thuế TNDN đối với dịch vụ số của một số nước Châu Âu để quy định phù hợp với điều kiện của Việt Nam.</p>	
	<p>UBND thành phố Đà Nẵng (công văn số 3629/UBND-KT ngày 5/7/2024)</p>	<p>1. Nội dung bổ sung quy định thu nhập phát sinh tại Việt Nam đối với doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam:</p> <p>Dự thảo Luật quy định thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam đối với doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, bao gồm cả thu nhập từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng công nghệ số, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh.</p> <p>Với quy định này phù hợp với thực tiễn hiện nay của sự phát triển khoa học công nghệ, cùng với các hoạt động thương mại điện tử, kinh tế số xuyên biên giới, doanh nghiệp nước ngoài có phát sinh thu nhập tại Việt Nam nhưng không cần thông qua bất kỳ địa điểm hay cơ sở đại diện nào tại Việt Nam.</p> <p>Tuy nhiên Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thông thường quy định quyền đánh thuế được căn cứ vào cơ sở thường trú của quốc gia; vì vậy cần bổ sung vào dự thảo báo cáo đánh giá tác động nội dung: Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, có phát sinh thu nhập tại Việt Nam sẽ tìm cách di chuyển hoặc hình thành cơ sở thường trú tại nước có ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam, để tránh phải nộp thuế TNDN đối với thu nhập phát sinh tại Việt Nam.</p> <p>Đồng thời cần bổ sung dự thảo Luật quy định người nộp thuế là doanh nghiệp trong nước mua hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; quy định này đảm bảo pháp lý thu thuế trong trường hợp doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, kinh doanh tại Việt Nam, nhưng không thực hiện hoặc không uỷ quyền đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại cổng thông tin</p>	<p>Tại dự thảo Luật chỉ quy định nguyên tắc các đối tượng nộp thuế, nội dung chi tiết sẽ được hướng dẫn tại các văn bản hướng dẫn (Nghị định, Thông tư).</p>

		<p>điện tử của Tổng cục Thuế như đã quy định tại Luật Quản lý Thuế.</p> <p>2. Nội dung bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam:</p> <p>Dự thảo Luật bổ sung quy định về thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam không phụ thuộc vào địa điểm kinh doanh, là “ thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam từ hoạt động cung ứng dịch vụ, cung cấp và phân phối hàng hóa (kể cả hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng công nghệ số), cho vay vốn, tiền bản quyền cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài đang kinh doanh tại Việt Nam hoặc từ chuyển nhượng vốn, dự án đầu tư, quyền góp vốn, quyền tham gia các dự án đầu tư, quyền thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản tại Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh.”</p> <p>Thực tế hiện nay, doanh nghiệp nước ngoài là pháp nhân sở hữu vốn trong doanh nghiệp (có vốn đầu tư nước ngoài 100%) được thành lập tại Việt Nam để thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam, dự án đầu tư có gắn với việc được nhà nước giao đất để triển khai thực hiện dự án.</p> <p>Sau đó doanh nghiệp nước ngoài này được thay đổi chủ sở hữu vốn thông qua giao dịch chuyển nhượng vốn giữa các pháp nhân ở nước ngoài; như vậy thông qua chuyển nhượng vốn, các pháp nhân nước ngoài đã chuyển nhượng quyền sở hữu vốn trong doanh nghiệp đang thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam.</p> <p>Vì vậy đề nghị bổ sung thêm vào dự thảo Luật: thu nhập chịu thuế phát sinh thông qua giao dịch chuyển nhượng vốn trong doanh nghiệp ở nước ngoài mà doanh nghiệp này đang nắm quyền sở hữu vốn, tài sản (bao gồm quyền sử dụng đất) trong doanh nghiệp tại Việt Nam.</p>	<p>Nội dung dự thảo Luật đã thể hiện mang tính bao quát, gồm cả trường hợp chuyển nhượng trực tiếp và chuyển nhượng vốn gián tiếp.</p>
<p>2. Về Thu nhập chịu thuế (Điều 3 dự thảo Luật)</p>			
	<p>Bộ Công thương (công văn số 4944/BCT-KHTC ngày 12/7/2024)</p>	<p>1. Về thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của các doanh nghiệp nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Luật</p> <p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung làm rõ phần thu nhập chịu thuế phát sinh của các doanh nghiệp nước ngoài có bao gồm thu nhập trực tiếp từ việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ và thu nhập gián tiếp</p>	<p>Quy định như tại dự thảo Luật đã bao gồm cả liên quan trực tiếp và gián tiếp.</p>

		<p>(ví dụ: phía thành viên tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử, phí để đăng tải ứng dụng trong kho ứng dụng, phí sử dụng dịch vụ quảng cáo, hiển thị sự ưu tiên trên sàn giao dịch thương mại điện tử, trên các nền tảng số v.v...) hay không. Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể cân nhắc dự thảo quy định này như sau: <i>“Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của các doanh nghiệp nước ngoài quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 2 Luật này là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, cung cấp và phân phối hàng hóa...”</i></p> <p>2. Về việc kiểm soát thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của các doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số</p> <p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc kỹ lưỡng quy định tại dự thảo này nhằm đảm bảo khả năng thực thi trong việc kiểm tra tính trung thực của doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt là doanh nghiệp xuyên biên giới không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng lại có phát sinh thu nhập tại Việt Nam, đảm bảo tránh thất thu thuế xuyên biên giới. Đồng thời, cân nhắc bổ sung trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian (ví dụ dịch vụ hosting) trong việc gỡ bỏ, ngăn chặn truy cập đối với các hành vi gian lận, trốn thuế.</p> <p>3. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, xem xét bổ sung quy định đối với các công ty không có đại diện pháp lý tại Việt Nam nhưng lại có phát sinh doanh thu tại Việt Nam thông qua hoạt động cung cấp dịch vụ xuyên biên giới (ví dụ: cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, nội dung nghe nhìn v.v...) thì không thuộc các trường hợp nêu tại Chương IV.</p>	<p>Nội dung này thuộc phạm vi của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn.</p> <p>Nội dung Chương IV quy định chung về thuế TNDN bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu sẽ được hướng dẫn cụ thể tại Nghị định quy định chi tiết Nghị quyết số 107/2023/QH15</p>
	<p>UBND tỉnh Bắc Ninh (công văn số 3360/CTBNI-TTHT ngày 28/6/2024 của Cục thuế).</p> <p>UBND tỉnh Hà Tĩnh (công văn số</p>	<p>Đề nghị thêm từ “lãi” vào trước cụm từ “chênh lệch tỷ giá” để làm rõ cho khoản lãi chênh lệch tỷ giá mới được tính là thu nhập khác.</p>	<p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.</p>

	<p>2110/CTHT-NVDTPC ngày 28/6/2024 của Cục thuế)</p> <p>UBND tỉnh Hà Tĩnh (công văn số 2110/CTHT-NVDTPC ngày 28/6/2024 của Cục thuế)</p>		
	<p>UBND tỉnh Phú Thọ (công văn số 1033/STC- TCDN ngày 28/6/2024 của Sở Tài chính)</p>	<p>1. Quy định về thu nhập chịu thuế: Khoản 3 Điều 3 dự thảo quy định</p> <p><i>“3. Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của các doanh nghiệp nước ngoài quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 2 Luật này là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam từ hoạt động cung ứng dịch vụ, cung cấp và phân phối hàng hóa (kể cả hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng công nghệ số), cho vay vốn, tiền bản quyền cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài đang kinh doanh tại Việt Nam hoặc từ chuyển nhượng vốn, dự án đầu tư, quyền góp vốn, quyền tham gia các dự án đầu tư, quyền thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản tại Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh”.</i></p> <p>Đề nghị bổ sung nội dung: “Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng quyền góp vốn” vào khoản 2 Điều 3 Dự thảo Luật thuế TNDN. Lý do: Để phù hợp giữa các khoản thu nhập chịu thuế tại khoản 2 Điều 3 và khoản 3 Điều 3.</p>	<p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật</p>
	<p>UBND tỉnh Quảng Ngãi (công văn số 3145/CTQNG-NVDTPC ngày 01/7/2024 của Cục thuế)</p>	<p>Điều 3. Thu nhập chịu thuế.</p> <p>a) Tại điểm a khoản 2 Điều 3, bổ sung thu nhập khác chịu thuế TNDN là khoản thu nhập từ <i>“chuyển nhượng quyền góp vốn”</i> như trong Luật thuế TNDN hiện hành; Cụ thể: <i>“a) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn, chuyển nhượng chứng khoán”.</i></p> <p>Lý do: Theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Doanh nghiệp năm 2020: <i>“...Thành viên có thể chuyển nhượng quyền góp vốn của mình cho người khác theo quy định...”</i>. Tại điểm a khoản 3 Điều 18, Dự thảo Luật này: <i>“3. Thuế suất... không áp dụng đối với: a) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn...”</i>. Như vậy, thu nhập từ</p>	<p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.</p>

		<p>chuyển nhượng quyền góp vốn vẫn là khoản thu nhập chịu sự điều chỉnh của Luật thuế TNDN.</p> <p>b) Tại điểm d khoản 2 Điều 3, bổ sung cụm từ “<i>theo quy định của pháp luật có liên quan</i>” vào phía sau cụm từ “<i>chuyển giao công nghệ</i>”; Cụ thể: “<i>d) Thu nhập từ quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản, bao gồm cả thu nhập từ quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật có liên quan</i>”.</p> <p>Lý do: Để đảm bảo sự thống nhất về từ ngữ với quy định về pháp luật.</p>	<p>Dự thảo Luật đang quy định liệt kê các loại thu nhập. Việc chi tiết các loại thu nhập sẽ được cụ thể tại các văn bản hướng dẫn Luật.</p>
	<p>UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (công văn số 981/CTTH-NVDTPC ngày 03/7/2024 của Cục thuế)</p>	<p>- Tại điểm g khoản 2 Điều 3 dự thảo: “Điều 3. Thu nhập chịu thuế 2. Thu nhập khác bao gồm: g) Khoản trích trước vào chi phí nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không hết;...”</p> <p>Đề nghị sửa đổi như sau: “g) Các khoản trích trước vào chi phí nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không hết <u>theo kỳ hạn trích lập mà doanh nghiệp không hạch toán điều chỉnh giảm chi phí</u>”.</p> <p>Lý do: Để Luật hóa quy định tại văn bản dưới Luật đã được triển khai hiệu quả, ổn định trong thời gian qua. Cụ thể, căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 3 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN: “Điều 3. Thu nhập chịu thuế 2. Thu nhập khác bao gồm: e) Các khoản trích trước vào chi phí nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không hết <u>theo kỳ hạn trích lập mà doanh nghiệp không hạch toán điều chỉnh giảm chi phí;</u>”</p>	<p>Nội dung này sẽ được chi tiết tại văn bản hướng dẫn Luật.</p>
	<p>Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam (công văn số 5502/VNPT-KTTC ngày 01/7/2024)</p>	<p>1. Điểm g khoản 2 Điều 3 quy định về thu nhập chịu thuế “g) Khoản trích trước vào chi phí nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không hết;...” đề nghị bỏ nội dung này.</p> <p>Lý do: Theo chế độ kế toán hiện hành (Điều 54 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014), số chênh lệch về chi phí phải trả lớn hơn số chi thực tế được ghi giảm chi phí</p>	<p>Nội dung này kế thừa quy định hiện hành và thực tế thực hiện không phát sinh vướng mắc.</p>

		<p>2. Điểm h khoản 2 Điều 3 quy định về thu nhập chịu thuế: “<i>h) Chênh lệch giữa thu về tiền phạt, tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế hoặc thưởng do thực hiện tốt cam kết theo hợp đồng.</i>” đề nghị sửa thành “<i>h) Chênh lệch giữa thu <u>và chi</u> về tiền phạt, tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế hoặc thưởng do thực hiện tốt cam kết theo hợp đồng</i>”.</p> <p>Lý do: Làm rõ nội dung chênh lệch</p> <p>3. Điểm i khoản 2 Điều 3 quy định về thu nhập chịu thuế “<i>i) Các khoản tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật nhận được</i>” đề nghị giao cho Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị thu nhập chịu thuế đối với khoản tài trợ bằng hiện vật nhận được.</p> <p>Lý do: Nếu không có hướng dẫn cụ thể, doanh nghiệp không biết xác định giá trị thu nhập chịu thuế đối với khoản tài trợ bằng hiện vật nhận được theo giá nào.</p>	<p>Nội dung này sẽ được quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn Luật.</p> <p>Tại khoản 5 Điều 3 đã quy định giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>
	<p>UBND tỉnh Phú Yên (công văn số 1874/CTPHY-NVDTPC ngày 28/6/2024)</p>	<p>Đề nghị bổ sung cụm từ “Bộ trưởng” trước cụm từ “Bộ Tài chính” trong câu “Bộ Tài chính hướng dẫn hồ sơ khai, nộp thuế đối với phần thu nhập của doanh nghiệp đầu tư ở nước ngoài quy định tại khoản này” tại khoản 4 Điều 3 Dự thảo, vì việc “<i>hướng dẫn hồ sơ khai, nộp thuế đối với phần thu nhập của doanh nghiệp đầu tư ở nước ngoài</i>” rất dễ chứa quy phạm pháp luật; mà theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì chỉ có Bộ trưởng mới có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tương tự, bổ sung cụm từ “Bộ trưởng” trước cụm từ “Bộ Tài chính” trong câu “<i>Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, thủ tục đối với các trường hợp đặc thù quy định tại điểm này</i>”; “<i>Bộ Tài chính hướng dẫn hồ sơ của khoản chi tài trợ được tính vào chi phí được trừ quy định tại điểm này</i>”; “<i>Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục, hồ sơ được hưởng ưu đãi thuế quy định tại các Điều 4, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Luật này</i>” tại điểm b khoản 1, điểm o khoản 2 Điều 9; khoản 4 Điều 18 Dự thảo”.</p>	<p>Các nội dung quy phạm sẽ chỉ quy định tại Luật và Nghị định của Chính phủ.</p>
	<p>UBND tỉnh Bình Thuận (công văn số 4055/CTBTH-NVDTPC ngày 01/7/2024)</p>	<p>1. Tại điểm g khoản 2 Điều 3 (trang 4) của dự thảo Luật có nội dung: “<i>g. Khoản trích trước và chi phí nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không hết; khoản nợ khó đòi đã xóa nay đòi được; khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót nay phát hiện ra</i>”.</p>	<p>Nội dung này Luật hóa quy định tại Nghị định đang thực hiện và thực tế không phát sinh vướng mắc.</p>

		<p>Đề nghị bỏ nội dung “<i>khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót nay phát hiện ra</i>” như sau:</p> <p>“<i>g. Khoản trích trước và chi phí nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không hết; khoản nợ khó đòi đã xóa nay đòi được; khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót nay phát hiện ra</i>”.</p> <p>Lý do: tại khoản 1, khoản 2 Điều 47 Luật Quản lý thuế có quy định:</p> <p>“1. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra.</p> <p>2. Khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế thì người nộp thuế vẫn được khai bổ sung hồ sơ khai thuế; cơ quan thuế thực hiện xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi quy định tại Điều 142 và Điều 143 của Luật này”</p> <p>Căn cứ quy định nêu trên thì thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của những năm trước bỏ sót nay phát hiện ra thì kê khai bổ sung vào thu nhập hoạt động kinh doanh của năm bỏ sót, không kê khai vào thu nhập khác của năm phát hiện. Vì còn ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh để xác định chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.</p>	
	<p>UBND thành phố Cần Thơ (công văn số 3073/CTCTH-NVDTPC ngày 28/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>Tại khoản 3, Điều 3 của Dự thảo Luật: Hiện nay, nhiều doanh nghiệp sở hữu (gián tiếp) vốn cổ phần đầu tư tại các công ty hoạt động kinh doanh ở Việt Nam. Việc chuyển nhượng vốn cổ phần có thể được thực hiện ở bên ngoài Việt Nam nhưng vì liên quan đến giá trị tài sản đầu tư kinh doanh tại Việt Nam, và vì thế cần có nguyên tắc tính thuế TNDN đối với doanh nghiệp khi thu được lợi nhuận khi chuyển nhượng cổ phần gián tiếp và giao cho Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp xác định thu nhập khi doanh nghiệp nước ngoài chuyển nhượng cổ phần gián tiếp tại Việt Nam.</p>	<p>Nội dung dự thảo Luật đã thể hiện mang tính bao quát, gồm cả trường hợp chuyển nhượng trực tiếp và chuyển nhượng vốn gián tiếp, đồng thời sẽ được quy định cụ thể tại Nghị định của Chính phủ.</p>
<p>1. Về thu nhập được miễn thuế (Điều 4 dự thảo Luật)</p>			

<p>Bộ Quốc phòng (công văn số 2489/BQP-TC ngày 01/7/2024)</p>	<p>1. Tại điểm 4 khoản 11 Điều 4. Thu nhập được miễn thuế: Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung: <i>“Thu nhập từ hoạt động có thu của Quỹ Công nghiệp quốc phòng, an ninh”</i>. Lý do: Hiện nay, Luật Công nghiệp, quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 7 ngày 27/6/2024; trong đó quy định về thành lập “Quỹ Công nghiệp quốc phòng, an ninh: nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn nhiệm vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh và đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.</p>	<p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.</p>
<p>Bộ Nội vụ (công văn số 3597/BNV-PC ngày 24/6/2024)</p>	<p>Đề nghị không liệt kê cụ thể tên các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và quỹ trong dự thảo Luật (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2; điểm d khoản 11 Điều 4) để tránh bỏ sót tổ chức (ví dụ Văn phòng thừa phát lại) hoặc phát sinh mâu thuẫn, chông chéo với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, đồng thời bảo đảm tính ổn định của dự án Luật.</p>	<p>Nội dung này kế thừa quy định của Luật thuế TNDN hiện hành và thực tế thực hiện ổn định, không phát sinh vướng mắc.</p>
<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (công văn số 4865/BNN-TC ngày 09/7/2024)</p>	<p>a) Khoản 1 Điều 4 Thu nhập được miễn thuế: Đề nghị sửa đổi và bổ sung nội dung <i>“Thu nhập của doanh nghiệp từ cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản...”</i> sửa lại là <i>“Thu nhập của doanh nghiệp từ sản phẩm cây trồng, vật liệu giống cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản...”</i> để phù hợp với Luật trồng trọt và Luật thuế GTGT sửa đổi. b) Đề nghị bổ sung, sửa đổi quy định miễn, giảm thuế TNDN (Khoản 3, 4 Điều 4 dự thảo Luật thuế TNDN) đối với thu nhập từ giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thu nhập của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tham gia liên kết với cá nhân, tổ chức khác hình thành chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức vì mục tiêu phát triển bền vững như quy định tại Điều 22 của Luật hợp tác xã năm 2023 đã ban hành.. Lý do: Theo Khoản 3, 4 Điều 22 Luật Hợp tác xã ngày 20/6/2022 quy định miễn, giảm thuế TNDN theo quy định của pháp luật về thuế TNDN đối với Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: <i>“Thu nhập từ giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thu nhập của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tham gia liên</i></p>	<p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.</p> <p>Luật Hợp tác quy định việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật thuế TNDN. Dự thảo Luật không bổ sung việc miễn thuế đối với giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thu nhập của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tham gia liên kết với cá nhân, tổ chức khác để tránh việc trùng lặp với các chính sách đã có và tránh dàn trải.</p>

		<p><i>kết với cá nhân, tổ chức khác hình thành chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức vì mục tiêu phát triển bền vững. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.</i></p> <p><i>Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập hình thành quỹ chung không chia, phần thu nhập hình thành tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”.</i></p>	
	Bộ Giáo dục và Đào tạo (công văn số 3351/BGDĐT-PC ngày 04/7/2024)	<p>Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định học phí là khoản thu nhập được miễn thuế TNDN khi xác định thuế TNDN. Lý do:</p> <p>Hiện nay, đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục vẫn phải thực hiện mức thu học phí theo quy định của Nghị định số 81/2021/NĐCP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Trong đó, mức học phí mầm non, phổ thông giữ ổn định từ 03 năm nay (từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025); mức học phí này mới chỉ đáp ứng 10-20% chi phí đào tạo; đối với giáo dục đại học, mức học phí này chỉ bù đắp 40-50% chi phí đào tạo. Như vậy, phần lớn các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và đại học vẫn do ngân sách nhà nước bố trí một phần kinh phí hoạt động chi thường xuyên. Do đó, nếu quy định lĩnh vực giáo dục thuộc đối tượng phải đóng thuế TNDN sẽ không khả thi; đồng thời, làm tăng gánh nặng học phí cho người học ảnh hưởng đến an sinh xã hội.</p>	Tại dự thảo Luật đã bổ sung chính sách miễn thuế, giảm thuế để áp dụng riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công trong đó có lĩnh vực giáo dục.
	Bộ Thông tin và Truyền thông (công văn số 2858/BTTTT-KHTC ngày 19/7/2024)	Đề nghị BST thay thế cụm từ “Quỹ viễn thông công ích” tại Điểm d, Khoản 11, Điều 4, dự thảo Luật bằng cụm từ “Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam” để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/11/2014 quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.
	Thanh tra Chính phủ (công văn số	Đối với nội dung tại khoản 11 Điều 4 dự thảo Luật , đề nghị rà soát, làm rõ cụm từ “ <i>Thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao</i> ” để	Luật thuế TNDN hiện hành đã quy định nội dung này và thực hiện ổn

1485/TTCP-V.II ngày 15/7/2024)	phân biệt với thu nhập từ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đối tượng được miễn thuế theo quy định của pháp luật (bổ sung nội dung vào Bản thuyết minh); trên cơ sở đó, quy định các khoản thu nhập được miễn thuế tương ứng cụ thể từng cơ quan, tổ chức đảm bảo có căn cứ, cơ sở, đúng đối tượng, tránh phát sinh tiêu cực trong thực hiện.	định, không phát sinh vướng mắc.
UBND tỉnh Hà Tĩnh (công văn số 2110/CTHT-NVDTPC ngày 28/6/2024 của Cục thuế)	<p>Tại Điều 4. Thu nhập miễn thuế Đề nghị bổ sung như sau:</p> <p>...</p> <p>5. "Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp có từ 30% số lao động bình quân trong năm trở lên người là người khuyết tật, người sau cai nghiện, người nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS), người mắc bệnh hiểm nghèo và có số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên, không bao gồm doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh bất động sản".</p>	Dự thảo Luật xây dựng theo đúng chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước nhằm góp phần cơ cấu lại NSNN theo hướng an toàn, bền vững, hạn chế bổ sung chính sách miễn, giảm thuế; đảm bảo tính trung lập của chính sách thuế.
UBND tỉnh Quảng Ninh (công văn số: 6645 /CTBGI-NVDTPC ngày 29/6/2024 của Cục thuế)	<p>1. Tại khoản 1 Điều 4 quy định:</p> <p>"1. Thu nhập của doanh nghiệp từ cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản (kể cả trường hợp mua sản phẩm nông sản, thủy sản về chế biến) ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã từ cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản (kể cả trường hợp mua sản phẩm nông sản, thủy sản về chế biến), sản xuất muối".</p> <p>Đề nghị sửa như sau:</p> <p>"1. Thu nhập của doanh nghiệp từ sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản (kể cả trường hợp mua sản phẩm nông sản, thủy sản về chế biến), sản xuất muối".</p> <p>Lý do: Để phân biệt với loại thu nhập từ dịch vụ đối với cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản... không được miễn thuế (ví dụ: thu nhập từ</p>	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.

	<p>cung cấp nhân công chăn nuôi thủy sản... sẽ không được miễn thuế).</p> <p>2. Đề nghị bổ sung thêm khoản 15 tại Điều 4 như sau: <i>“Điều 4. Thu nhập được miễn thuế.</i></p> <p>....</p> <p>15. Thu nhập lãi tiền gửi phát sinh từ số dư Quỹ dự trữ ngân sách đảng, số dư Quỹ Công đoàn”.</p> <p>Lý do: Các quỹ trên không hoạt động nhằm mục đích kinh doanh, lãi tiền gửi phát sinh từ số dư các Quỹ nêu trên nhập lại Quỹ để phục vụ cho hoạt động công tác đảng và công tác công đoàn. Chính sách hiện hành không quy định rõ dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực thi.</p>	<p>Dự thảo Luật xây dựng theo đúng chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước đồng thời góp phần cơ cấu lại NSNN theo hướng an toàn, bền vững, theo đó, tập trung ưu đãi vào một số địa bàn, lĩnh vực, đối tượng cần ưu tiên.</p>
<p>UBND tỉnh Quảng Ngãi (công văn số 3145/CTQNG-NVDTPC ngày 01/7/2024 của Cục thuế)</p>	<p>a) Tại khoản 4 Điều 4, bổ sung đoạn <i>“4. Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ... theo quy định của pháp luật được miễn thuế tối đa không quá 03 năm.”</i> thành <i>“4. Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ... theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ được miễn thuế tối đa không quá 03 năm.</i></p> <p>Lý do: Để đảm bảo sự thống nhất về từ ngữ với quy định về pháp luật.</p> <p>b) Tại khoản 12 Điều 4, bổ sung, điều chỉnh đoạn <i>“...; phân thu nhập hình thành tài sản không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hợp tác xã”</i> thành <i>“...; phân thu nhập hình thành tài sản không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn”.</i></p> <p>Lý do: Hiện nay đã có Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, do đó bổ sung điều chỉnh cho phù hợp và đồng bộ các Điều tại Dự thảo Luật.</p>	<p>Nội dung quy định tại dự thảo Luật nhằm đảm bảo tính bao quát chung.</p> <p>Nội dung quy định tại dự thảo Luật đảm bảo thống nhất với quy định của Luật Hợp tác xã.</p>
<p>UBND tỉnh Bình Định (công văn số 2306/CTBDI-TTHT ngày 26/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>+ Tại Điều 4: Thu nhập được miễn thuế tại Khoản 1 quy định <i>“...; chế biến nông sản, thủy sản”</i>. Đề nghị bổ sung <i>“...; chế biến nông sản bao gồm chế biến thức ăn chăn nuôi”</i> vì tại Quyết định số 43/QĐ-2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 mã ngành Cấp 2: Sản phẩm chế biến thực phẩm, theo đó: chế biến nông sản bao gồm chế biến thức ăn chăn nuôi.</p>	<p>Nội dung này được chi tiết tại văn bản hướng dẫn Luật.</p>
<p>UBND tỉnh Cà Mau (công văn số 1417/CTCMA-</p>	<p>- Tại khoản 3 Điều 4 dự thảo: <i>“3. Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp, bao gồm:...”</i>. Đề nghị bổ sung thêm dịch vụ: <i>“Chăm sóc, bón phân cho cây trồng”</i>, do dịch vụ này luôn</p>	<p>Nội dung “chăm sóc, bón phân cho cây trồng” là quá rộng, không chỉ riêng trong lĩnh vực nông nghiệp.</p>

NVDTPC ngày 28/6/2024)	gắn liền với dịch vụ phòng trừ sâu bệnh.	
Cục thuế tỉnh Quảng Nam (công văn số 5692/CTQNA-NVDTPC ngày 03/7/2024)	<p>Tại Điều 4 quy định Thu nhập được miễn thuế</p> <p>- Tại khoản 1: Kiến nghị bổ sung thêm cụm từ “tổ hợp tác” như sau:</p> <p>“1. ... thu nhập của <u>tổ hợp tác</u>, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã từ cây trồng...”.</p> <p>Lý do: Để thống nhất và đồng bộ với Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 của Quốc hội có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024.</p> <p>- Tại khoản 3: Kiến nghị bổ sung thêm cụm từ “dịch vụ gieo, trồng” như sau:</p> <p>“3. Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp, bao gồm: Thu nhập từ dịch vụ tưới, tiêu nước; cày, bừa đất, nạo vét kênh, mương nội đồng; <u>dịch vụ gieo, trồng</u>;... sản phẩm nông nghiệp”.</p> <p>Lý do: Vì việc gieo trồng là một quá trình quan trọng trong nông nghiệp, đồng thời để bao quát được các khâu trong hoạt động sản xuất nông nghiệp nên cần được khuyến khích miễn thuế.</p>	<p>Điều 2 Dự thảo Luật quy định tổ chức khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập là người nộp thuế đã đảm bảo bao quát các trường hợp.</p> <p>Nội dung “dịch vụ gieo, trồng” là quá rộng, không chỉ riêng trong lĩnh vực nông nghiệp.</p>
UBND tỉnh Trà Vinh (công văn số 1665/STC-TCDN&THTK ngày 28/6/2024)	<p>1. Tại điểm a Điều 4 dự thảo Luật thuế TNDN (sửa đổi):</p> <p>Điều 4. Thu nhập được miễn thuế. Thu nhập của doanh nghiệp ... Thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản quy định tại khoản này phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: a) Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm (giá thành hàng hóa, sản phẩm) từ 30% chiếm từ 51% trở lên.</p> <p>Đề nghị sửa đổi “từ 30%” thành “chiếm từ 51%”.</p> <p>Lý do: Nông sản, thủy sản là nguyên liệu chính của quá trình chế biến, sản xuất, nhưng tỷ trọng thấp sẽ dễ dàng để các doanh nghiệp lợi dụng chính sách.</p>	<p>Nội dung tại dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành, qua đó đảm bảo khuyến khích sử dụng nguyên, vật liệu trong lĩnh vực nông nghiệp phù hợp với thực tế.</p>
UBND tỉnh Phú Yên (công văn số 1874/CTPHY-NVDTPC ngày 28/6/2024)	<p>1. Tại khoản 2 Điều 4 Dự thảo, đề nghị bỏ cụm từ “tỷ lệ về cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên là những cá nhân, hộ gia đình...”, lý do Luật Hợp tác xã (HTX) năm 2023 không qui định mức tỷ lệ cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên. Giao dịch của HTX bao</p>	<p>Nội dung quy định tại dự thảo Luật nhằm đảm bảo chính sách minh bạch và thuận lợi trong công tác quản lý, thực hiện của cả doanh nghiệp, tổ chức</p>

	<p>gồm giao dịch nội bộ và giao dịch bên ngoài.</p> <p>2. Đề nghị bổ sung vào Điều 4: Thu nhập được miễn thuế và qui định chi tiết miễn, giảm thuế TNDN cho HTX, Liên hiệp HTX như khoản 3, 4 Điều 22 Luật HTX năm 2023:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm thuế TNDN theo quy định của pháp luật về thuế TNDN đối với: <ul style="list-style-type: none"> + Thu nhập từ giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; + Thu nhập của tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX khi tham gia liên kết với cá nhân, tổ chức khác hình thành chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức vì mục tiêu phát triển bền vững; + Trường hợp khác theo quy định của pháp luật về thuế TNDN. - Miễn thuế TNDN đối với phần thu nhập hình thành quỹ chung không chia, phần thu nhập hình thành tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về thuế TNDN. 	<p>và cơ quan thuế.</p> <p>Luật Hợp tác quy định việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật thuế TNDN. Dự thảo Luật không bổ sung việc miễn thuế đối với giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thu nhập của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tham gia liên kết với cá nhân, tổ chức khác để tránh việc trùng lặp với các chính sách đã có và tránh dàn trải.</p>
<p>UBND tỉnh Bắc Ninh (công văn số 3360/CTBN-TTHT ngày 28/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>1. Tại khoản 4 Điều 4 Dự thảo Luật thuế quy định:</p> <p><i>“4. Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở Việt Nam, thu nhập từ bán sản phẩm sản xuất thử nghiệm trong thời gian sản xuất thử nghiệm theo quy định của pháp luật được miễn thuế tối đa không quá 03 năm”.</i></p> <p>Đề nghị bổ sung về thời hạn miễn thuế tối đa không quá 3 năm tính từ thời điểm nào. Nội dung bổ sung tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 91/2014/NĐ-CP hiện hành đã được thực hiện ổn định nhiều năm qua:</p> <p>Cụ thể như sau: “... <i>theo quy định của pháp luật được miễn thuế tối đa không quá 03 năm kể từ ngày bắt đầu có doanh thu từ thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bán sản phẩm sản xuất thử nghiệm trong thời gian sản xuất thử nghiệm...</i>”.</p> <p>2. Bỏ từ “người” do soạn thảo thừa chữ tại khoản 5 Điều 4, cụ thể như sau:</p> <p><i>“5. Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ</i></p>	<p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.</p> <p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.</p>

	<p><i>của doanh nghiệp có từ 30% số lao động bình quân trong năm trở lên người là người khuyết tật, người sau cai nghiện, người nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) và có số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên, không bao gồm doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh bất động sản.</i></p> <p><i>Thu nhập được miễn thuế tại khoản này không bao gồm các khoản thu nhập khác quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật này.</i></p> <p><i>Chính phủ quy định chi tiết khoản này”.</i></p> <p>3. Tại khoản 6 Điều 4 Dự thảo Luật quy định:</p> <p><i>“6. Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội, người đang cai nghiện, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV/AIDS”.</i></p> <p>Để làm rõ khoản thu nhập miễn thuế với từ hoạt động dạy nghề dành riêng người đang cai nghiện, người sau cai nghiện áp dụng cho đối tượng nào: cai nghiện ma túy, cai nghiện rượu, cai nghiện thuốc lá... Hiện nay mới có quy định của pháp luật về tổ chức cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy (Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống ma túy), các hình thức cai nghiện khác như nghiện rượu, nghiện thuốc lá chưa có quy định.</p> <p>Do vậy đề nghị bổ sung như sau:</p> <p><i>“6. Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội, người đang cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy, người nhiễm HIV/AIDS”</i></p>	<p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.</p>
<p>UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (công văn số 9085/UBND-VP ngày 4/7/2024)</p>	<p>Đề nghị bổ sung thu nhập được miễn thuế: <i>đối với thu nhập sau: Các khoản các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập”.</i></p> <p>Lý do: Tại điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục 2019 đã quy định: <i>“b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.</i></p> <p>2. Trên thực tế các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động</p>	<p>Tại dự thảo Luật đã bổ sung chính sách miễn thuế, giảm thuế để áp dụng riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công trong đó có lĩnh vực giáo dục.</p>

giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập bao gồm các khoản thu như: thu tiền ăn của trẻ/học sinh học bán trú, thu mua đồ dùng, vật chất phục vụ học bán trú; thu học thêm dạy thêm trong trường đối với các môn văn hóa theo nhu cầu học ngoài giờ chính khóa, thu để thuê mướn nhân công quét dọn nhà vệ sinh là những khoản thu thỏa thuận phục vụ nhiệm vụ thay cha mẹ học sinh. Các cơ sở sở giáo dục (Đơn vị sự nghiệp công lập) thu, chi để thực hiện nhiệm vụ gắn với chức năng, nhiệm vụ; thực hiện thu đủ bù chi, không có tích lũy và không vì mục đích kinh doanh có lợi nhuận; đến cuối năm học, nếu không chi hết số tiền thu được trong năm học từ các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục thì cơ sở sở giáo dục phải trả lại số tiền còn dư cho cha mẹ học sinh. Mặt khác, đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục thực hiện Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp do Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư số 107/2017 TT-BTC và Thông tư số 24/2024/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 (Thay thế Thông tư số 107/2017 TT-BTC); mỗi đơn vị kế toán chỉ sử dụng một hệ thống sổ kế toán cho một kỳ kế toán năm theo quy định của Luật Kế toán năm 2015, ngoài ra không hạch toán khấu trừ giữa thuế giá trị gia tăng đầu ra, đầu vào như các đơn vị doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh và áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành, Chế độ kế toán doanh nghiệp để xác định thu nhập chịu thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 96/2015/TTBTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn thuế TNDN.

2. Về kỳ tính thuế (Điều 5 dự thảo Luật)

<p>UBND tỉnh Quảng Ninh (công văn số: 6645/CTQNI-NVDTPC ngày 29/6/2024 của Cục thuế)</p> <p>UBND tỉnh Quảng Ngãi (công văn số 3145/CTQNG-NVDTPC ngày 01/7/2024 của Cục thuế)</p> <p>UBND tỉnh Nghệ An (công văn số 5612/UBND-KT ngày 05/7/2024)</p>	<p>Tại khoản 1 Điều 5 quy định: <input type="checkbox"/> Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo năm dương lịch hoặc năm tài chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. <i>Doanh nghiệp được lựa chọn kỳ tính thuế theo năm dương lịch hoặc năm tài chính nhưng phải thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước khi thực hiện”</i></p> <p>Đề nghị sửa đổi như sau: <input type="checkbox"/> Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo năm dương lịch hoặc năm tài chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. <i>Doanh nghiệp được lựa chọn kỳ tính thuế theo năm dương lịch hoặc năm tài chính. Trường hợp doanh nghiệp lựa chọn kỳ tính thuế theo năm tài chính thì phải thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước khi thực hiện”</i></p> <p>Lý do: Hầu hết các doanh nghiệp đều áp dụng kỳ tính thuế theo năm dương lịch, do đó chỉ nên quy định trường hợp lựa chọn kỳ tính thuế theo năm tài chính hoặc doanh nghiệp thay đổi kỳ tính thuế đang thực hiện thì phải thông báo với cơ quan quản lý thuế trực tiếp trước khi thực hiện. Doanh nghiệp không phải thực hiện thông báo với cơ quan thuế trong trường hợp lựa chọn kỳ tính thuế theo năm dương lịch nhằm giảm thủ tục hành chính về thuế đối với doanh nghiệp.</p>	<p>Nội dung dự thảo Luật kế thừa các quy định hiện hành và quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc.</p>
<p>Cục thuế tỉnh Quảng Nam (công văn số 5692/CTQNA-NVDTPC ngày 03/7/2024)</p>	<p>Tại khoản 1 Điều 5 quy định Kỳ tính thuế Kiến nghị: bổ sung thêm cụm từ “<u>bằng văn bản</u>”. <i>“1. ... Doanh nghiệp được lựa chọn kỳ tính thuế theo năm dương lịch hoặc năm tài chính nhưng phải thông báo <u>bằng văn bản</u> với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước khi thực hiện”.</i></p>	<p>Hình thức, cách thức, thời hạn thông báo được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.</p>
<p>UBND tỉnh TP. Hải Phòng (công văn số 2467/CTHPH-TTHT ngày 27/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>Lý do: Cơ quan thuế có cơ sở quản lý thuế. Tại khoản 1 Điều 5 quy định: <i>“...Doanh nghiệp được lựa chọn kỳ tính thuế theo năm dương lịch hoặc năm tài chính nhưng phải thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước khi thực hiện.”;</i> Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định cụ thể về thời hạn thông báo việc lựa chọn kỳ tính thuế với cơ quan thuế trực tiếp hoặc giao</p>	

		đơn vị có thẩm quyền quy định cụ thể về thời hạn thông báo việc lựa chọn kỳ tính thuế với cơ quan thuế trực tiếp.	
3. Về xác định thu nhập tính thuế (Điều 7 dự thảo Luật)			
	<p>UBND tỉnh Trà Vinh (công văn số 1665/STC-TCDN&THTK ngày 28/6/2024)</p> <p>UBND tỉnh Bắc Ninh (công văn số 3360/CTBNI-TTHT ngày 28/6/2024 của Cục thuế)</p> <p>UBND tỉnh Ninh Bình (công văn số 1807/STC-NS)</p> <p>UBND tỉnh Hà Tĩnh (công văn số 2110/CTHT-NVDTPC ngày 28/6/2024 của Cục thuế)</p> <p>UBND tỉnh Thái Nguyên (công văn số 2834/CTTING-NVDTPC ngày 28/6/2024 của Cục thuế)</p> <p>Cục thuế tỉnh Quảng Nam (công văn số 5692/CTQNA-NVDTPC ngày 03/7/2024)</p> <p>UBND tỉnh Nghệ An (công văn số</p>	<p>Tại Điều 7 dự thảo Luật thuế TNDN (sửa đổi): Điều 7. Xác định thu nhập tính thuế 1. Thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế được xác định bằng thu nhập chịu thuế trừ thu nhập được miễn, giảm thuế và các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước, cụ thể: Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - Thu nhập được miễn, giảm thuế (+) - Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định</p> <p>Đề nghị sửa đổi: thay dấu cộng (+) thành dấu trừ (-).</p> <p>Lý do: Tại Khoản 1 Điều 16, có nêu: “Doanh nghiệp có lỗ được chuyển lỗ sang năm sau; số lỗ này được trừ vào thu nhập tính thuế”. Như vậy, các khoản lỗ được kết chuyển phải được trừ vào thu nhập tính thuế.</p>	<p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.</p>

	<p>5612/UBND-KT ngày 05/7/2024)</p> <p>UBND tỉnh TP. Hải Phòng (công văn số 2467/CTHPH-TTHT ngày 27/6/2024 của Cục thuế)...</p>		
	<p>Bộ Thông tin và truyền thông (công văn số 2858/BTTTT-KHTC ngày 19/7/2024)</p> <p>Đài Truyền hình Việt Nam (công văn số 839/THVN-VP ngày 03/7/2024)</p> <p>UBND tỉnh TP. Hải Phòng (công văn số 2467/CTHPH-TTHT ngày 27/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>Việc bù trừ thu nhập giữa hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và hoạt động không được hưởng ưu đãi thuế:</p> <p>- Đề nghị BST bỏ cụm từ “nhưng không bù trừ với thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế” tại khoản 3, Điều 7 của dự thảo Luật và xem xét tiếp tục giữ nguyên quy định “doanh nghiệp có phát sinh hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế bị lỗ, hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế, thu nhập khác của các hoạt động kinh doanh (không bao gồm thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư; thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản theo quy định của pháp luật) có thu nhập (hoặc ngược lại) thì doanh nghiệp bù trừ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động có thu nhập do doanh nghiệp lựa chọn. Phần thu nhập còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất của hoạt động còn thu nhập” như Luật thuế TNDN hiện hành.</p> <p>- Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán NSNN năm 2024 nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn hiện nay, Bộ TTTT đề xuất BST giữ nguyên nội dung bù trừ thu nhập giữa các hoạt động như hiện nay để giảm chi phí cho doanh nghiệp</p>	<p>Nội dung quy định tại dự thảo Luật để đảm bảo việc bù trừ không gián tiếp ưu đãi cho các hoạt động không được ưu đãi.</p>
	<p>UBND tỉnh Bắc Ninh (công văn số 3360/CTBNI-TTHT ngày 28/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>Tại khoản 3 Điều 7 Dự thảo sửa đổi có nêu:</p> <p>“3. Doanh nghiệp có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế thì thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh là tổng thu nhập của tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trường hợp nếu có hoạt động sản xuất, kinh doanh bị lỗ thì được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu</p>	<p>Đã giải trình ở trên</p>

nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn nhưng không bù trừ với thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế. Phần thu nhập còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất, kinh doanh còn thu nhập Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải xác định riêng để kê khai nộp thuế. Thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư (trừ dự án thăm dò, khai thác khoáng sản), thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư (trừ chuyển nhượng quyền tham gia dự án thăm dò, khai thác khoáng sản), thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản nếu lỗ thì số lỗ này được bù trừ với lãi của hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế”.

Theo dự thảo Luật thì doanh nghiệp được bù trừ thu nhập hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập do doanh nghiệp tự lựa chọn **nhưng không bù trừ với thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế.** Điều này sẽ nảy sinh bất cập trong thực tế, cụ thể như ví dụ sau:

Doanh nghiệp có tổng thu nhập của tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ là -10 tỷ. Trong đó thu nhập của hoạt động SXKD không được hưởng ưu đãi là -15 tỷ, thu nhập của hoạt động SXKD được hưởng ưu đãi là 5 tỷ.

Nếu theo quy định hiện hành, doanh nghiệp sẽ được bù trừ thu nhập của 02 hoạt động này với nhau, sau khi bù trừ thì kết quả kinh doanh vẫn lỗ và DN không phải xác định số thuế TNDN phải nộp.

Nhưng nếu theo dự thảo Luật sửa đổi thì doanh nghiệp sẽ không được bù trừ lỗ hoạt động SXKD không được hưởng ưu đãi với thu nhập của hoạt động SXKD được hưởng ưu đãi. Do vậy, DN sẽ phát sinh thù tục phải kê khai số thuế TNDN được ưu đãi, nếu phát sinh số thuế phải nộp thì phải nộp tiền vào Ngân sách. Với trường hợp như trên, giả sử doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi theo mức giảm 50% số thuế phải nộp, thì doanh nghiệp sẽ phải kê khai và nộp vào Ngân sách số tiền là $5 \text{ tỷ} \times 20\% \times 50\% = 500 \text{ triệu đồng}$. Điều này là rất bất hợp lý và không phù hợp với thực tế.

Do vậy, đề nghị giữ nguyên quy định về bù trừ thu nhập như hiện

		hành. Đồng thời bổ sung quy định riêng về bù trừ thu nhập của hoạt động chuyển nhượng bất động sản (theo tinh thần tại Thuyết minh sửa đổi Luật) để không làm ảnh hưởng đến việc hạch toán và kê khai của các doanh nghiệp không phát sinh hoạt động này.	
	UBND tỉnh Yên Bái (công văn số 1332/STC-QLNS ngày 02/7/2024 của Sở Tài chính)	Khoản 3, Điều 7 dự thảo Luật quy định: “ <i>Doanh nghiệp có nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tính thuế... phân thu nhập còn lại sau khi bù trừ áp dụng mức thuế suất thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh</i> ”. Căn cứ quy định nêu trên sẽ phát sinh trường hợp sau khi bù trừ thu nhập của các hoạt động sản xuất kinh doanh không được ưu đãi thuế TNDN mà vẫn còn lỗ thì có được bù trừ với thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế TNDN hay không và việc chuyển lỗ đối với khoản thu nhập chịu thuế này như thế nào. Nguyên nhân do tại Điều 16 không có quy định về chuyển lỗ đối với trường hợp này. Đề nghị bổ sung sau khi áp dụng nguyên tắc bù trừ nêu trên để tính ra số thuế TNDN phải nộp, doanh nghiệp sẽ được bù trừ thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi thuế TNDN với thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi thuế TNDN, nếu còn phát sinh lỗ thì được chuyển lỗ theo quy định.	Đã giải trình nêu trên
4. Về doanh thu (Điều 8 dự thảo Luật)			
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (công văn số 4865/BNN-TC ngày 09/7/2024)	Điều 8 dự thảo: Đối với doanh nghiệp kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng thì doanh thu tính thuế TNDN bao gồm cả thuế giá trị gia tăng. Đề nghị xem lại nội dung này là doanh thu tính thuế TNDN bao gồm cả thuế giá trị gia tăng hay doanh thu để tính thuế thu nhập là doanh thu để tính thuế giá trị gia tăng (không bao gồm thuế GTGT) để phù hợp với Luật thuế GTGT.	Nội dung dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành và quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc.
	UBND tỉnh Bắc Ninh (công văn số 3360/CTBNI-TTHT ngày 28/6/2024 của Cục thuế)	Điều 8. Về doanh thu: Đề nghị bổ sung quy định thời điểm xác định doanh thu đối với hàng hóa xuất khẩu vào khoản 2 Điều 8 Lý do: Hiện nay theo quy định Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đối với hàng hóa bán ra là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua. Tuy nhiên, đối với hoạt động xuất khẩu thì thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua được xác định theo điều kiện giao hàng Incoterm, do vậy dẫn đến thời điểm chuyển giao quyền sở hữu cũng khác	Nội dung này sẽ được quy định cụ thể tại Nghị định hướng dẫn Luật.

		<p>nhau.</p> <p>Ngoài ra, Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) cũng có quy định về thời điểm xác định thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu. Tại khoản 3, Điều 13 Nghị định 123/2020/NĐ-CP hiện hành cũng có quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với hàng xuất khẩu. Như vậy, cùng 1 khoản doanh thu xuất khẩu, người nộp thuế phải thực hiện theo 03 quy định khác nhau về (1) thời điểm lập hóa đơn (2) thời điểm xác định thuế GTGT và (3) thời điểm xác định doanh thu để tính thuế TNDN.</p> <p>Do vậy, để tạo thuận lợi cho người nộp thuế và đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ các quy định của pháp luật, đề nghị bổ sung quy định thời điểm xác định doanh thu đối với hàng hóa xuất khẩu vào khoản 2 Điều 8 tương tự như dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi, cụ thể:</p> <p><i>“c. Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu là thời điểm xác định thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu”.</i></p>	
UBND tỉnh Phú Thọ (công văn số 1033/STC-TCDN ngày 28/6/2024 của Sở Tài chính)	<p>Quy định về doanh thu</p> <p>Khoản 1 Điều 8 dự thảo quy định: <i>“1. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công... Đối với doanh nghiệp kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng thì doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm cả thuế giá trị gia tăng”.</i> Đề nghị sửa cụm từ <i>“thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng”</i> thành cụm từ <i>“thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp”</i>. Lý do: Dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi đã sửa cụm từ <i>“phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng”</i> thành <i>“phương pháp trực tiếp”</i>.</p>	Nội dung dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành và quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc.	
UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (công văn số 981/CTTH-NVDTPC ngày 03/7/2024 của Cục thuế)	<p>Đề nghị bổ sung tại khoản 3 Điều 8 như sau:</p> <p><i>“3. Chính phủ quy định chi tiết doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đối với các trường hợp đặc thù”.</i></p> <p>Lý do: Mục đích để tạo sự linh hoạt, chủ động cho Chính phủ trong việc xây dựng các quy định cần thiết để xác định doanh thu làm căn cứ xác định thu nhập chịu thuế nhằm đáp ứng được các yêu cầu quản lý đặt ra trong từng giai đoạn phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội, kịp thời ứng phó với các thay đổi trong mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh các lĩnh</p>	Tại dự thảo Luật đã thể hiện nội dung giao Chính phủ quy định các trường hợp đặc thù.	

		vực này, hạn chế việc xói mòn cơ sở thuế.	
UBND tỉnh Nghệ An (công văn số 5612/UBND-KT ngày 05/7/2024)	<p>Tại khoản 1 Điều 8 dự thảo Luật: <i>"... Đối với doanh nghiệp kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng thì doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm cả thuế giá trị gia tăng..."</i></p> <p>Đề nghị sửa thành: <i>"... Đối với doanh nghiệp kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm cả thuế giá trị gia tăng..."</i></p> <p>Lý do: Đề thống nhất với tên gọi của phương pháp tính thuế được quy định tại dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng (lần 5)</p>	Nội dung dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành và quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc	
UBND tỉnh TP. Hải Phòng (công văn số 2467/CTHPH-TTHT ngày 27/6/2024 của Cục thuế)	<p>Điều 8 quy định về Doanh thu: - Tên của Điều 8 quy định về "Doanh thu" nhưng tại khoản 1 của Dự thảo quy định về "Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế", các điều khác của Luật cũng chỉ đề cập tới "Doanh thu" nên sẽ gây ra khó hiểu khi vận dụng trong thực tế.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định cụ thể hơn về "Doanh thu".</p>	Nội dung dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành và quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc	
Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam (công văn số 5502/VNPT-KTTC ngày 01/7/2024)	<p>Điểm b khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật thuế TNDN quy định: <i>"b) Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ"</i> đề nghị sửa đổi như sau: <i>"b) Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua."</i> hoặc quy định như Điều 3 Thông tư số 96/2015/TT-BTC: <i>"b) Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua trừ trường hợp nêu tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC, khoản 1 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC"</i>.</p> <p>Lý do: Theo quy định hiện hành, thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp cung cấp dịch vụ có thu</p>	Nội dung này sẽ được chi tiết tại văn bản hướng dẫn Luật.	

		tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền. Đối với trường hợp tại thời điểm lập hóa đơn mà doanh nghiệp chưa hoàn thành cung cấp dịch vụ cho khách hàng thì chưa đủ điều kiện xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế (Khoản 1 Điều 8 quy định: “1. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. ”). Mặt khác, quy định như dự thảo, doanh nghiệp không biết áp dụng theo thời điểm nào khi xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế.	
	UBND tỉnh Nam Định (công văn số 5609/CTNDI-NVDTPC ngày 28/6/2024 của Cục thuế)	Đề nghị bổ sung thêm điểm c vào khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật thuế TNDN như sau: “c) Thời điểm xác định doanh thu đối với một số trường hợp đặc thù do Chính phủ, Bộ Tài chính quy định”.	Tại dự thảo Luật đã thể hiện nội dung giao Chính phủ quy định các trường hợp đặc thù.
5. Về các khoản chi được trừ và không được trừ (Điều 9 dự thảo Luật)			
	Bộ Quốc phòng (công văn số 2489/BQP-TC ngày 01/7/2024)	Tại điểm a khoản 1 Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: Đề nghị sửa đổi bổ sung nội dung: “ Khoản chi cho thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; khoản chi ủng hộ, đóng góp để thực hiện công tác chính sách trong quân đội và đối ngoại quốc phòng; các khoản chi khác phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật ”. Lý do: Hiện nay, Bộ Quốc phòng đang báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép được tiếp nhận các khoản ủng hộ, đóng góp của doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng để thực hiện công tác chính sách và đối ngoại quốc phòng trong Quân đội.	Dự thảo Luật quy định: <i>Khoản chi khác cho thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật, là đảm bảo tính bao quát các khoản chi cho mục đích an ninh, quốc phòng.</i>
	Bộ Nội vụ (công văn số 3597/BNV-PC ngày 24/6/2024)	Đề nghị nghiên cứu nội dung quy định về trường hợp đặc thù ngay tại dự thảo Luật (điểm b khoản 1 Điều 9), bảo đảm công khai, minh bạch và thống nhất trong quá trình áp dụng.	Tại dự thảo Luật đã thể hiện nội dung giao Chính phủ quy định các trường hợp đặc thù để có tính linh hoạt, phù hợp với thực tiễn phát sinh.
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (công văn số 5503/NHNN-TCKT)	- Tại Điều 9: + Tại khoản 1 quy định về các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo

ngày 02/7/2024)	<p>Theo quy định tại khoản 10 Điều 174 và điểm e khoản 1 Điều 185 Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) năm 2024, TCTD hỗ trợ/ bên nhận chuyển giao bắt buộc được hạch toán vào chi phí hoạt động đối với các khoản chi lương, thù lao, tiền thưởng cho người được biệt phái tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành TCTD được kiểm soát đặc biệt/ ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc. Đây là khoản chi thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của TCTD hỗ trợ/ bên nhận chuyển giao bắt buộc đối với TCTD được kiểm soát đặc biệt/ ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc.</p> <p>Do đó, đề tạo động lực cho các TCTD tham gia vào quá trình cơ cấu lại các TCTD yếu kém, đề nghị Ban soạn thảo xem xét, bổ sung quy định về chi phí được trừ đối với các khoản chi lương, thù lao, tiền thưởng cho người của TCTD hỗ trợ/bên nhận chuyển giao bắt buộc được biệt phái tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành TCTD được kiểm soát đặc biệt/ ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc.</p> <p>+ Tại mục a điểm 1 khoản 2 quy định về các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, cụ thể: <i>“a, Khoản chi không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, trừ phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường”</i>, đề có thể hiểu và vận dụng đúng, đề nghị làm rõ trường hợp bất khả kháng là những trường hợp nào.</p>	<p>Luật.</p> <p>Nội dung tại dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành và đảm bảo thống nhất với pháp luật chuyên ngành trong việc xác định <i>“trường hợp bất khả kháng”</i>.</p>
Bộ Giao thông vận tải (công văn số 7107/BGTVT-TC ngày 04/7/2024)	<p>- Điểm a khoản 1 Điều 9 của dự thảo Luật, đề nghị xem xét, bổ sung khoản chi liên quan đến phòng, chống dịch bệnh như sau: khoản chi thực tế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm các khoản chi sau: <i>“...Khoản chi thực tế cho hoạt động phòng, chống dịch bệnh cấp độ quốc gia trong thời gian dịch bệnh được cơ quan có thẩm quyền công bố...”</i>, đề phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế.</p> <p>- Điểm r khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật quy định: <i>“Các khoản chi của hoạt động kinh doanh: ngân hàng, bảo hiểm, số số, chứng khoán, hợp tác đầu tư BT, BOT, BTO và một số hoạt động kinh doanh đặc thù khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”</i>, đề nghị xác định cụ thể <i>“cơ quan có thẩm quyền”</i> để đảm bảo thuận lợi khi triển khai thực hiện, đồng thời nghiên cứu theo hướng giao Bộ Tài chính là cơ quan có thẩm quyền để các quy định được đồng bộ, thống nhất.</p>	<p>Nội dung tại dự thảo Luật đảm bảo tính bao quát, phù hợp với pháp luật chuyên ngành.</p> <p>Quy định này nhằm phù hợp với thực tế các hoạt động kinh doanh đặc thù thuộc thẩm quyền hướng dẫn của các cơ quan chuyên ngành khác.</p>

		<p>- Đề nghị rà soát, đánh giá về sự phù hợp của các quy định về thuế TNDN với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.</p>	<p>Dự thảo Luật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với các xu hướng cải cách chính sách thuế TNDN trên thế giới, đảm bảo mục tiêu hội nhập quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển cũng như phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết).</p>
<p>Bộ Thông tin và truyền thông (công văn số 2858/BTTTT-KHTC ngày 19/7/2024)</p>	<p>Đề nghị bổ sung nội dung sau vào các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế quy định tại K1, Điều 9, dự thảo Luật: “<i>Khoản chi cho thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) bằng 150% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) thực tế được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán</i>”.</p> <p>Bộ TTTT đề xuất bổ sung nội dung trên vì đây là chính sách cần thiết để hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động nghiên cứu – phát triển về công nghiệp bán dẫn. Theo kinh nghiệm các nước, cho đến nay hầu hết các quốc gia Đông Âu, các quốc gia có nền kinh tế mới nổi (BRICS), một số quốc gia ASEAN (Singapore, Malaysia và Thái Lan) đều áp dụng biện pháp siêu khấu trừ thuế đối với các chi phí cho hoạt động R&D của doanh nghiệp. Mức độ siêu khấu trừ của các quốc gia khác nhau (150- 400%) cho những chi phí vào hoạt động R&D. Mức đề xuất con số 150% được Bộ TTTT cân nhắc, tham khảo đồng bộ với nội dung dự thảo thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng về công nghiệp bán dẫn.</p>	<p>Nội dung này đang được áp dụng thí điểm tại một số cơ chế đặc thù được Quốc hội cho phép áp dụng tại một số địa phương, cần có thời gian tổng kết, đánh giá trước khi được luật hóa để áp dụng rộng rãi.</p>	
<p>UBND tỉnh Nam Định (công văn số 5609/CTNDI-NVDTPC ngày 28/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>Đối với chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt tại Điều 9 dự thảo Luật thuế TNDN đề nghị bổ sung quy định về <i>thủ tục hồ sơ quy định để chứng minh cơ sở của dòng tiền và việc vay vốn không được áp dụng đối với vay của cá nhân là chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (do một cá nhân làm chủ)</i>.</p> <p>Lý do: Qua thực tế kiểm tra có nhiều doanh nghiệp thường làm Hợp đồng vay vốn cá nhân bằng tiền mặt với lãi suất 0% để hợp lý hóa dòng tiền kinh doanh.</p>	<p>Việc quy định, kiểm soát doanh nghiệp huy động vốn để sản xuất, kinh doanh cần căn cứ pháp luật chuyên ngành về tín dụng hoặc pháp luật quản lý thuế.</p>	
<p>UBND tỉnh Quảng Ninh</p>	<p>Đề nghị bổ sung điểm a khoản 1 Điều 9 và sửa đổi điểm a khoản 2</p>	<p>Nội dung dự thảo Luật kế thừa quy</p>	

	(công văn số: 6645 /CTQNI-NVDTPC ngày 29/6/2024 của Cục thuế)	<p>Điều 9 như sau: <i>“Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i> <i>1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</i> <i>a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản chi sau:</i> <i>...</i> <i>- Phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường”.</i> <i>...</i> <i>2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:</i> <i>a) Khoản chi không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, trừ phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường.</i> <i>...”</i> Lý do: Kết cấu lại mục để rõ ý về khoản chi được trừ đối với phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường.</p>	định hiện hành và sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định hướng dẫn Luật.
	UBND tỉnh Trà Vinh (công văn số 1665/STC-TCDN&THTK ngày 28/6/2024)	<p>Đề nghị bổ sung khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật thuế TNDN về chi phí không được trừ: <i>“Chi tiền thuê tài sản của cá nhân không có đầy đủ hồ sơ, hóa đơn, chứng từ”.</i> Lý do: Tại điểm 2.5 khoản 2 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính về các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế có hướng dẫn: <i>“2.5. Chi tiền thuê tài sản của cá nhân không có đầy đủ hồ sơ, chứng từ dưới đây: - Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản và chứng từ trả tiền thuê tài sản. - ...”.</i> Theo hướng dẫn trên thì cá nhân cho thuê tài sản có doanh thu trên 100 triệu đồng/năm (thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) không cung cấp hóa đơn, chỉ cung cấp hợp đồng thuê tài sản và chứng từ trả tiền thuê tài sản thì doanh nghiệp thuê tài sản được tính vào</p>	Nội dung này sẽ được quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn Luật.

		<p>chi phí được trừ, dẫn đến thất thu về thuế và không tạo sự công bằng trong thực hiện nghĩa vụ thuế giữa các hộ kinh doanh.</p>	
<p>UBND tỉnh Bắc Ninh (công văn số 3360/CTBNI-TTHT ngày 28/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>Về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</p> <p>Tại điểm 1 khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật quy định khoản chi không được trừ có “..., thuế thu nhập doanh nghiệp, ...”.</p> <p>Tuy nhiên quy định hiện hành tại mục 2.37 khoản 2 Điều 6 Thông tư 78/TT-BTC của Bộ Tài chính thì đối với trường hợp doanh nghiệp nộp thay thuế TNDN của nhà thầu nước ngoài mà theo thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài, doanh thu nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài nhận được không bao gồm thuế TNDN vẫn được tính vào chi phí được trừ.</p> <p>Do vậy, để luật hóa quy định đã được thực hiện ổn định nhiều năm, đề nghị bổ sung như sau:</p> <p>“..., thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ trường hợp doanh nghiệp nộp thay thuế thu nhập doanh nghiệp của nhà thầu nước ngoài mà theo thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài, doanh thu nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài nhận được không bao gồm thuế), ...”.</p>	<p>Nội dung này sẽ được quy định cụ thể tại văn bản hướng dẫn Luật.</p>	
<p>UBND tỉnh Bắc Kạn (công văn số 1234/CTBCA- NVDTPC ngày 27/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>Tại điểm h khoản 2 Điều 9 Dự thảo quy định về các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế như sau: “Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ; thù lao trả cho sáng lập viên doanh nghiệp không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh; tiền lương, tiền công, các khoản hạch toán chi khác để chi trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả hoặc không có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật; chi mua thẻ hội viên sân golf, chi phí chơi golf”.</p> <p>Căn cứ quy định trên thì tiền lương, tiền công, các khoản hạch toán chi khác để trả cho người lao động nhưng không có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì không được tính vào chi phí hợp lệ để trừ vào thu nhập chịu thuế nhằm tránh gian lận thuế. Tuy nhiên có một số những doanh nghiệp với ngành nghề đặc thù thường xuyên sử dụng nhân công trong thời gian ngắn thì không có hóa đơn chứng từ cho việc trả công này, ví dụ những doanh nghiệp xây dựng phải thường xuyên thuê mướn các lao</p>	<p>Nội dung quy định tại dự thảo Luật nhằm đảm bảo minh bạch, công khai, rõ ràng và thực tế các khoản chi. Đồng thời cũng thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện đầy đủ về chế độ hóa đơn, chứng từ.</p>	

		<p>động tạm thời trong thời gian ngắn và chỉ giao kết hợp đồng bằng lời nói.</p> <p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Bộ luật Lao động năm 2019, việc giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói đối với những người lao động làm việc tạm thời có thời hạn dưới 1 tháng là hợp pháp. Tuy nhiên, việc quy định như tại Dự thảo vô hình chung không thừa nhận hình thức giao kết hợp đồng này khi quy định việc trả công cho người lao động này không được trừ vào thu nhập chịu thuế do không có hóa đơn, chứng từ theo quy định. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung có quy định riêng về chi phí giảm trừ đối với các doanh nghiệp hoạt động những loại ngành nghề đặc thù thường xuyên phải sử dụng lao động ngắn hạn, nhằm tạo sự công bằng giữa các ngành nghề qua chính sách thuế và pháp luật có liên quan.</p>	
	<p>UBND tỉnh Thái Nguyên (công văn số 2834/CTTING-NVDTPC ngày 28/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>Tại điểm a, khoản 1, Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</p> <p>“1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp; khoản chi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; bao gồm cả các khoản chi sau:</p> <p>Đề nghị sửa đổi thành:</p> <p>a) Khoản chi thực tế phát sinh theo quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp; khoản chi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; bao gồm cả các khoản chi sau:”</p>	<p>Việc chỉnh sửa câu chữ không ảnh hưởng đến nội dung dự thảo Luật. Ngoài ra, nội dung này kế thừa quy định của Luật thuế TNDN hiện hành đang thực hiện ổn định và không phát sinh vướng mắc, do đó đề nghị cho giữ nguyên như dự thảo.</p>
	<p>UBND tỉnh Quảng Ngãi (công văn số 3145/CTQNG-NVDTPC ngày 01/7/2024 của Cục thuế)</p>	<p>Về chi phí được trừ (Điều 9) (trang 43 Dự thảo).</p> <p>a) Tại điểm a khoản 1 Điều 9, bổ sung đoạn “Khoản chi hỗ trợ phục vụ hoạt động của tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp” thành “Khoản chi hỗ trợ phục vụ hoạt động của tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, <u>hội khuyến học trong doanh nghiệp</u>”.</p> <p>Lý do: Hiện nay, các doanh nghiệp đều có tham gia Hội khuyến học và nộp hội phí hàng năm, nên cần bổ sung khoản chi này được trừ khi</p>	<p>Dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành trong đó có khoản chi tài trợ cho giáo dục được tính vào chi phí được trừ.</p>

		<p>tính thuế TNDN để khuyến khích Doanh nghiệp tham gia phong trào học tập cho người lao động, con em người lao động.</p> <p>b) Tại điểm 1 khoản 2 Điều 9 của dự thảo Luật quy định: “Điều 9. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế 2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:</p> <p>...</p> <p>l) <i>Phần thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ, thuế giá trị gia tăng đầu vào của phần giá trị xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi vượt 1,6 tỷ đồng không được khấu trừ... ”.</i></p> <p>Tuy nhiên, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 dự thảo (lần 5) Luật thuế GTGT thì thuế giá trị gia tăng đầu vào của ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống được khấu trừ đầu vào toàn bộ, không quy định mức không chế đối với phần thuế giá trị gia tăng đầu vào của phần giá trị xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi vượt 1,6 tỷ đồng không được khấu trừ: “Điều 14.14. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào g) <i>Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của: hàng hóa, dịch vụ hình thành tài sản cố định phục vụ cho người lao động trong khu vực sản xuất, kinh doanh và nhà ở, trạm y tế cho người lao động làm việc trong các khu công nghiệp, khu kinh tế; ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống, ...”.</i></p> <p>Do đó, đề nghị sửa đổi lại điểm 1 khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật thuế TNDN cho phù hợp với dự thảo Luật thuế GTGT đối với xe ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống.</p>	<p>Nội dung dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành và thực tế thực hiện không phát sinh vướng mắc, đồng thời đã đảm bảo thống nhất với dự thảo Luật thuế GTGT.</p>
	<p>UBND tỉnh Bình Định (công văn số 2306/CTBDI-TTHT ngày 26/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>+ Tại điểm i, khoản 2 Điều 9 quy định: “... <i>phần chi trả lãi tiền vay của doanh nghiệp có giao dịch liên kết vượt quá mức do Chính phủ quy định</i>”. Đề nghị bổ sung cho rõ nghĩa: “... <i>phần chi trả lãi tiền vay của doanh nghiệp có giao dịch liên kết kể cả chi trả lãi tiền vay cho đối tượng không thuộc bên liên kết vượt quá mức do Chính phủ quy định</i>”.</p> <p>+ Tại Điểm a Khoản 1 Điều 9 quy định về các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: ... “<i>Khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động theo quy định của</i></p>	<p>Nội dung này được thực hiện theo Nghị định của Chính phủ về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.</p> <p>Dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành trong đó đã có quy định về chi phí được trừ đối với khoản chi cho</p>

		<i>pháp luật</i> ". Tuy nhiên, hiện nay một số doanh nghiệp nhà nước ngoài đào tạo giáo dục nghề nghiệp theo quy định còn phát sinh các khoản chi đào tạo khác như: quản lý nhà nước, lý luận chính trị... Do đó, đề nghị bổ sung các khoản chi này vào chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN.	các hoạt động đào tạo cho người lao động của doanh nghiệp.
	UBND tỉnh Bình Thuận (công văn số 4055/CTBTH-NVDTPC ngày 01/7/2024)	Tại điểm b khoản 1 Điều 9 (trang 11) của dự thảo Luật có nội dung: " <i>b. Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ (bao gồm cả chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt)...</i> ". Đề nghị sửa lại thành: " <i>b. Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ (bao gồm cả chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt)...</i> ". Lý do: Khoản chi có đầy đủ hóa đơn, chứng từ đã đầy đủ ý vì trường hợp thanh toán tiền mặt hoặc thanh toán không dùng tiền mặt cũng đều phải có chứng từ.	Nội dung dự thảo Luật có sửa đổi lại kết cấu và quy định này sẽ đảm bảo tính minh bạch trong hướng dẫn và thực hiện.
	UBND thành phố Cần Thơ (công văn số 3073/CTCTH-NVDTPC ngày 28/6/2024 của Cục thuế)	Tại điểm m, khoản 2, Điều 9 của Dự thảo Luật: " <i>m) Khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế; khoản chi không đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành; phân chi nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vượt mức thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế</i> ". Đề xuất điều chỉnh thành: " <i>m) Khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế; khoản chi không đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành; phân chi nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vượt mức thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế. Chính phủ quy định các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành phối hợp xác định khoản chi không đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành theo quy định tại khoản này</i> ".	Nội dung này sẽ được nghiên cứu, thể hiện tại Nghị định hướng dẫn Luật
	Cục thuế tỉnh Thanh Hóa (công văn số 6006/CT-NVDTPC ngày 01/7/2024)	Tại điểm e, khoản 2, Điều 9 dự thảo Luật quy định " <i>e) Khoản trích khấu hao tài sản cố định không đúng quy định của pháp luật gồm: trích khấu hao tài sản cố định không sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; trích khấu hao tài sản cố định không có giấy tờ chứng minh thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trừ tài sản cố định thuê mua tài - chính);</i> " Đề nghị bổ sung nội dung sau: " <i>e) Khoản trích khấu hao tài sản cố định không đúng quy định của pháp luật gồm: trích khấu hao tài sản cố định không sử dụng cho hoạt</i>	Nội dung này Luật hóa các văn bản hướng dẫn dưới Luật đang thực hiện ổn định và không phát sinh vướng mắc.

		<p><i>động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ: trích khấu hao tài sản cố định không có giấy tờ chứng minh thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trừ tài sản cố định thuê mua tài chính, <u>tài sản cố định không bắt buộc đăng ký quyền sở hữu</u>)”.</i></p> <p>Lý do: Trên thực tế tài sản doanh nghiệp thường chủ yếu có 2 loại: Tài sản cố định bắt buộc đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật (như quyền sử dụng đất, phương tiện tham gia giao thông...).</p> <p>Tài sản cố định không bắt buộc đăng ký quyền sở hữu (nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: trụ sở văn phòng, nhà xưởng, cửa hàng...thì việc đăng ký quyền sở hữu khi chủ sở hữu có nhu cầu được quy định tại Khoản 1 Điều 95 Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội quy định về đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất).</p> <p>Do đó, để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và tăng nguồn vốn lưu động phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Đề nghị, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ đối với khoản trích khấu hao tài sản không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhưng những tài sản này không bắt buộc đăng ký quyền sở hữu</p>	
	<p>Cục thuế tỉnh Quảng Nam (công văn số 5692/CTQNA-NVDTPC ngày 03/7/2024)</p>	<p>Tại điểm o khoản 2 Điều 9 quy định Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm</p> <p>Kiến nghị: thay dấu phẩy “ , ” bằng dấu chấm phẩy “ ; ” sau cụm từ “<i>theo quy định của pháp luật</i>”.</p> <p>Lý do: Để phân biệt rõ giữa các khoản tài trợ cho giáo dục, y tế, văn hóa, nghiên cứu khoa học, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, làm nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, nhà cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật trên tất cả các địa bàn kinh tế - xã hội với các khoản tài trợ theo quy định đặc thù của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	
	<p>UBND thành phố Đà Nẵng (công văn số 3629/UBND-KT ngày 5/7/2024)</p>	<p>Chi phí được trừ</p> <p>1. Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ đầu vào có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp chưa được khấu trừ hết nhưng không thuộc trường hợp hoàn thuế.</p> <p>Báo cáo thuyết minh, nhận định thực tế một số trường hợp số thuế GTGT đầu vào lớn hơn số thuế GTGT đầu ra và qua nhiều kỳ tính thuế vẫn</p>	<p>Nội dung dự thảo Luật quy định để áp dụng thống nhất đối với các trường hợp doanh nghiệp có số thuế giá trị gia tăng đầu vào lớn (không phân biệt áp dụng thuế suất đầu ra 5% hay 10%) nhưng chưa khấu trừ hết và không</p>

	<p>chưa được khấu trừ hết như đối với trường hợp các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5% nhưng đầu vào chủ yếu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 10%. Đối với những trường hợp này, việc vừa không cho phép hoàn thuế GTGT và vừa không cho tính vào chi phí đã gây ra một số khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc lưu giữ chứng từ để theo dõi số thuế này trong nhiều năm, làm phát sinh chi phí cho các doanh nghiệp và ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>Tuy nhiên tại khoản 21 Điều 9 dự thảo Luật quy định phân thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ đầu vào có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp chưa được khấu trừ hết nhưng không thuộc trường hợp hoàn thuế thì được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.</p> <p>Quy định này không phù hợp với quy định của Luật thuế giá trị gia tăng, thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được khấu trừ; do đó đầu vào chưa được khấu trừ hết do chưa có đầu ra; mặt khác bản chất của thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ là đánh thuế trên giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh.</p> <p>Do đề nghị chỉ được trừ thuế giá trị gia tăng chưa được khấu trừ hết đối với trường hợp các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5% nhưng đầu vào chủ yếu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 10% và trường hợp thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ sử dụng cho đầu ra không chịu thuế giá trị gia tăng.</p> <p>2. Chi phí lãi vay</p> <p>Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động xác định thực tế nền kinh tế nước ta hiện nay, doanh nghiệp trong nước vẫn đang phải hoạt động dựa vào nguồn vốn vay từ khu vực ngân hàng là chủ yếu. Việc khống chế tỷ lệ vốn vay trên vốn chủ sở hữu có thể gây thêm khó khăn cho các doanh nghiệp, giảm tính cạnh tranh của môi trường đầu tư, nhất là trong bối cảnh chi phí vốn vẫn đang ở mức cao. Bên cạnh đó, đặc thù hoạt động và kinh doanh của các ngành cũng rất khác nhau và thường xuyên biến động nên rất khó có thể xác định được các tỷ lệ khống chế phù hợp để áp dụng chung; do đó, để phù hợp với tình hình thực tiễn, không nên đặt vấn đề bổ sung quy định tỷ lệ vốn mòng, chỉ cần luật hóa quy định khống chế chi phí</p>	<p>được hoàn thuế nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.</p> <p>Nội dung này được thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, trong đó đã quy định cụ thể về đối tượng áp dụng mức khống chế về chi phí lãi vay của doanh nghiệp có giao dịch liên kết.</p>
--	--	---

		<p>lãi vay trong giao dịch liên kết đang được thực hiện để đảm bảo tính minh bạch, ổn định và cơ sở pháp lý của chính sách.</p> <p>Do đó dự thảo Luật quy định “phần chi trả lãi tiền vay của doanh nghiệp có giao dịch liên kết vượt quá mức do Chính phủ quy định”.</p> <p>Với quy định này, chỉ cần trong kỳ tính thuế có giao dịch mua bán với bên liên kết, không phát giao dịch lãi vay với bên liên kết, phải điều chỉnh lãi vay được trừ quá mức theo quy định của Chính phủ; Vì vậy đề nghị chỉ áp dụng đối với lãi vay trả cho các khoản vay từ giao dịch liên kết vượt quá quy định của Chính phủ.</p>	
	<p>UBND tỉnh TP. Hải Phòng (công văn số 2467/CTHPH-TTHT ngày 27/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>Tại Điều 9 quy định về Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:</p> <p><i>* Tại khoản 1 quy định:</i></p> <p><i>“1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ điều kiện sau đây:</i></p> <p><i>a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm các khoản chi sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>- Khoản chi cho thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác theo quy định của pháp luật...”.</i> <p><i>Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm một số khoản chi như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>“- Khoản chi cho thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ;</i> <i>- Khoản chi cho đầu tư xây dựng các công trình phục vụ kinh tế xã hội của địa phương, phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác theo quy định của pháp luật.”.</i> <p><i>* Đề nghị bổ sung cụm từ: “thù lao trả cho thành viên Hội đồng quản trị” vào điểm h khoản 2:</i></p> <p><i>“h) Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ; thù lao trả cho sáng lập viên doanh nghiệp, thù lao trả cho thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh; tiền lương, tiền công, các khoản hạch toán chi khác để chi trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả hoặc không có hóa đơn, chứng từ theo quy định của</i></p>	<p>Tại dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành, trong đó có quy định doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ đối với các khoản chi theo các Chương trình của Nhà nước. Ngoài ra, theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước nhằm cơ cấu lại NSNN theo hướng an toàn, bền vững thì hạn chế ban hành chính sách ưu đãi, đảm bảo tính trung lập của chính sách thuế.</p> <p>Nội dung này sẽ được nghiên cứu và chi tiết tại văn bản hướng dẫn Luật.</p>

		<p><i>pháp luật; chi mua thẻ hội viên sân golf, chi phí chơi golf.”.</i></p> <p>* Căn Luật hóa các trường hợp phải lập bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào, Đề nghị bổ sung các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế vào khoản 2 Điều 9:</p> <p>“Chi phí của doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ (không có hóa đơn, được phép lập Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào) nhưng không lập Bảng kê kèm theo chứng từ thanh toán cho người bán hàng, cung cấp dịch vụ trong các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua hàng hóa là nông sản, hải sản, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra; - Mua sản phẩm thủ công làm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, song, mây, rom, vỏ dừa, sọ dừa hoặc nguyên liệu tận dụng từ sản phẩm nông nghiệp của người sản xuất thủ công không kinh doanh trực tiếp bán ra; - Mua đất, đá, cát, sỏi của hộ gia đình, cá nhân tự khai thác trực tiếp bán ra; - Mua phế liệu của người trực tiếp thu nhặt; - Mua đồ dùng, tài sản, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh trực tiếp bán ra; - Mua hàng hóa, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh (không bao gồm các trường hợp nêu trên) có mức doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng (100 triệu đồng/năm). <p>Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, chứng từ đối với quy định tại điểm này”.</p> <p>* Tại điểm i khoản 2 Điều 9 quy định các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: “i) ... phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay; ...”.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa thành: “i) ... phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh mà Bên cho vay không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay; ...”.</p>	<p>Nội dung câu chữ cho cách hiểu giống nhau, do đó, đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p>
	<p>Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam (công văn số 5502/VNPT-KTTC ngày 01/7/2024)</p>	<p>1. Điểm 1 khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật thuế TNDN quy định các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm: “l) <i>Phần thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ, thuế giá trị gia tăng đầu vào của phần giá</i></p>	<p>Tại các văn bản quy định về phí, lệ phí và pháp luật về quản lý thuế đã có quy định cụ thể.</p>

trị xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi vượt 1,6 tỷ đồng không được khấu trừ, thuế thu nhập doanh nghiệp, các khoản thuế, phí, lệ phí, thu khác và tiền chậm nộp theo quy định pháp luật về quản lý thuế không được tính vào chi phí theo quy định của pháp luật.” đề nghị bổ sung chi tiết “Giao cho Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết các khoản thuế, phí, lệ phí, thu khác và tiền chậm nộp theo quy định pháp luật về quản lý thuế không được tính và chi phí”.

Lý do: Thực tế đơn vị phát sinh rất nhiều khoản phí, lệ phí như: Lệ phí phân bổ kho số viễn thông, phí sử dụng đường bộ... Vì vậy cần phải có quy định cụ thể về khoản phí, lệ phí nào được trừ và không được trừ.

2. **Điểm o khoản 2 Điều 9** dự thảo Luật thuế TNDN quy định các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm: “o) Khoản tài trợ, trừ khoản tài trợ cho giáo dục, y tế, văn hóa, nghiên cứu khoa học, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, làm nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, nhà cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật, khoản tài trợ theo chương trình quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.” đề nghị sửa đổi như sau: “o) Khoản tài trợ, trừ khoản tài trợ cho giáo dục, y tế, văn hóa, nghiên cứu khoa học, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, làm nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, nhà cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật, tài trợ quảng cáo phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khoản tài trợ theo chương trình quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

Lý do: Trong điều kiện nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển, quảng cáo trở thành nhu cầu tất yếu của doanh nghiệp để quảng bá sản phẩm dịch vụ đến người tiêu dùng nhanh nhất, hiệu quả nhất. Khi tham gia tài trợ cho các sự kiện thể thao, văn hóa, du lịch, lễ hội (như: Seagame, Olympic, cuộc thi nhân tài đất Việt,...) doanh nghiệp được quyền quảng cáo các sản phẩm dịch vụ của mình tại các sự kiện này. Đây là hình thức tài trợ đổi quảng cáo mang lại hiệu quả cao cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN đối với khoản chi phí tài trợ đổi quảng cáo phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tại dự thảo Luật đã kế thừa quy định hiện hành, trong đó có quy định doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ đối với một số khoản chi tài trợ cụ thể. Ngoài ra, theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước nhằm cơ cấu lại NSNN theo hướng an toàn, bền vững thì hạn chế ban hành chính sách ưu đãi, đảm bảo tính trung lập của chính sách thuế

3. Chi phí quà tặng cho khách hàng/đối tác (bao gồm thuế GTGT đầu ra không thu tiền khách hàng của hóa đơn, dịch vụ cho, biểu, tặng): tại khoản 5 Điều 7 Thông tư 219/2013/TT-BTC và Nghị định số 209/2019 quy định: “*Trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại nhưng không thực hiện theo quy định của pháp luật thuế về thương mại thì phải kê khai, tính nộp thuế như hàng hóa, dịch vụ dùng để tiêu dùng nội bộ, biểu, tặng, cho.*”. Tại dự thảo Luật thuế TNDN chưa có quy định việc tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi phí quà tặng cho khách hàng/đối tác (bao gồm thuế GTGT đầu ra không thu tiền khách hàng của hàng hóa, dịch vụ cho, biểu, tặng). Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung khoản chi phí được trừ khi tính thuế TNDN đối với khoản chi phí quà tặng cho khách hàng/đối tác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm thuế GTGT đầu ra không thu tiền khách hàng của hàng hóa, dịch vụ cho, biểu, tặng), doanh nghiệp chịu trách nhiệm về hiệu quả của khoản chi phí.

Lý do: Nhằm tri ân, phát triển mối quan hệ với khách hàng, tìm kiếm khách hàng tiềm năng, phát triển thương hiệu, mở rộng - thị trường, tăng doanh số bán hàng, hàng năm các doanh - nghiệp có thực hiện tặng hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng/đối tác (không thuộc các hoạt động như hỗ trợ, tài trợ, tặng quà cho người lao động, không phải là các chương trình khuyến mại thực hiện theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018). Doanh nghiệp đã triển khai đầy đủ chế độ hóa đơn, chứng từ, khai và nộp thuế GTGT, hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật về thuế GTGT và kế toán. Giá trị quà tặng cho khách hàng/đối tác phục vụ cho sản xuất kinh doanh (bao gồm cả thuế GTGT đầu ra của hàng hóa, dịch vụ cho, biểu, tặng khách hàng) đơn vị kê khai vào chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN. Tuy nhiên, có trường hợp cơ quan thuế địa phương xử lý không được kê khai vào chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN đối với khoản chi phí quà tặng cho khách hàng/đối tác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm thuế GTGT đầu ra không thu tiền khách hàng của hàng hóa, dịch vụ cho, biểu, tặng) với lý do hiện nay pháp luật về thuế TNDN chưa có quy định cụ thể việc tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi phí quà tặng cho khách hàng/đối tác (bao gồm thuế GTGT đầu ra không thu tiền khách hàng của hàng

		hóa, dịch vụ cho, biểu, tặng). Đề các doanh nghiệp có cơ sở thực hiện đúng quy định của pháp luật, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định như đề xuất.	
6. Về thuế suất (Điều 10 dự thảo Luật)			
Bộ Thông tin và Truyền thông (công văn số 2858/BTTTT-KHTC ngày 19/7/2024)	<p>Bổ sung các Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) thuộc đối tượng được hưởng thuế suất thuế TNDN như nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ:</p> <p>- Bộ TTTT đề nghị BST xem xét bổ sung đối tượng các ĐVSNCL được áp dụng mức thuế suất như nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ quy định tại Khoản 2, Điều 10, dự thảo Luật, cụ thể:</p> <p>a) Thuế suất 15% áp dụng đối với ĐVSNCL có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.</p> <p>b) Thuế suất 17% áp dụng đối với ĐVSNCL có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.</p> <p>c) Doanh thu làm căn cứ xác định ĐVSNCL thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 17% và 15% tại khoản này là tổng doanh thu của năm trước liền kề.</p> <p>Trường hợp ĐVSNCL mới thành lập, giao Chính phủ quy định cụ thể tổng doanh thu làm căn cứ áp dụng.</p> <p>- Bộ TTTT đề xuất giảm thuế TNDN cho các ĐVSNCL vì trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn như hiện nay, các ĐVSNCL thuộc Bộ TTTT phần lớn có quy mô doanh thu tương tự như nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Bên cạnh đó, theo kết luận số 83-KL/TW của Bộ Chính trị thì chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết 27-NQ/TW chưa thực hiện từ 01/7/2024 do đó các ĐVSNCL còn gặp các khó khăn, không có lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp, cụ thể:</p> <p>+ Chưa được tính toàn bộ thu nhập của người lao động vào chi phí trước thuế.</p> <p>+ Doanh nghiệp được tính các khoản chi có tính chất phúc lợi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp vào chi phí, trong khi đó các ĐVSNCL chỉ được chi sau khi nộp thuế TNDN.</p>	<p>- Khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật quy định: 1. Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật này (sau đây gọi là doanh nghiệp).</p> <p>- Khoản 2 Điều 10 dự thảo Luật quy định: Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.</p> <p>Theo đó doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ được hưởng ưu đãi bao gồm cả doanh nghiệp, tổ chức khác.</p> <p>Dự thảo Luật cũng đã bổ sung quy định chính sách miễn, giảm thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	
UBND tỉnh Phú Yên (công văn số	Đề nghị bổ sung đối tượng HTX, Liên hiệp HTX vào khoản 2, Điều 10. Thuế suất: Mức thuế suất thuế TNDN đối với doanh nghiệp thuộc	Theo quy định tại dự thảo Luật, đối tượng doanh nghiệp nhỏ và siêu	

	1874/CTPHY-NVDTPC ngày 28/6/2024)	nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ và HTX, Liên hiệp HTX.	nhỏ được hưởng ưu đãi bao gồm cả doanh nghiệp, tổ chức khác.
	UBND tỉnh Hòa Bình (công văn số 1021/UBND-KTTH ngày 28/6/2024) UBND tỉnh Quảng Ngãi (công văn số 3145/CTQNG-NVDTPC ngày 01/7/2024 của Cục thuế) UBND tỉnh Nghệ An (công văn số 5612/UBND-KT ngày 05/7/2024)	Tại điểm c khoản 2 Điều 10 dự thảo đang ghi: " <i>c) Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 17% và 15% tại khoản này là tổng doanh thu của năm trước liền kề</i> ", theo đó, đề nghị sửa đổi thành " <i>c) Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp được áp dụng thuế suất 17% và 15% tại khoản này là tổng doanh thu phát sinh trong năm</i> ". Lý do: Nên áp dụng mức thuế suất đúng với doanh thu phát sinh trong năm sẽ đảm bảo tính chính xác số thuế TNDN phải nộp của năm. Hết năm tài chính Doanh nghiệp đã tổng hợp được đầy đủ doanh thu của năm, do đó cũng không phát sinh vướng mắc khi áp dụng mức thuế suất nào.	Theo quy định của pháp luật thuế hiện hành, việc sử dụng doanh thu làm căn cứ áp dụng điều dựa trên kết quả hoạt động, kinh doanh của năm trước liền kề, đảm bảo doanh nghiệp đã tính toán được đầy đủ, chính xác.
	Bộ Công thương (công văn số 4944/BCT-KHTC ngày 12/7/2024)	Tại Điều 54 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 quy định: Chính sách ưu đãi áp dụng đối với các lô, mỏ dầu khí được thực hiện thông qua hợp đồng dầu khí: " <i>Hợp đồng dầu khí đối với lô, mỏ dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 32%,... Hợp đồng dầu khí đối với lô, mỏ dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%,...</i> ". - Tại Điều 67 Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN và Luật thuế Tài nguyên: " <i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động dầu khí từ 25% đến 50% phù hợp với từng hợp đồng dầu khí; ...</i> ". Đề nghị các nội dung liên quan đến các quy định về thuế TNDN đối với các hoạt động dầu khí, hợp đồng dầu khí trong hồ sơ dự án Luật thuế TNDN (sửa đổi) cần đảm bảo tính đồng bộ với Luật Dầu khí số 12/2022/QH15.	Dự thảo Luật (điểm a khoản 3 Điều 10) quy định: Đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí: thuế suất từ 25% đến 50%. Do đó, đã phù hợp với quy định của Luật Dầu khí.
	UBND tỉnh Bắc Ninh (công văn số 3360/CTBNI-TTHT	Tại điểm d khoản 2 Điều 10 Luật sửa đổi: " <i>...</i> d) Thuế suất 15% và 17% quy định tại khoản này không áp dụng	Tiêu chí, căn cứ xác định mức doanh thu sẽ được nghiên cứu, thể hiện tại Nghị định hướng dẫn Luật.

ngày 28/6/2024 của Cục thuế)	<p><i>đối với doanh nghiệp là công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất quy định tại khoản này.</i></p> <p>Đề nghị sửa đổi:</p> <p>“... d) Thuế suất 15% và 17% quy định tại khoản này không áp dụng đối với doanh nghiệp là công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất quy định tại khoản này. Chính phủ quy định chi tiết nội dung này”</p> <p>Lý do: Đối với nội dung này, để Cơ quan Thuế có căn cứ xác định đúng về doanh thu của các Công ty mẹ hoặc công ty có quan hệ liên kết rất khó, nên đề nghị bổ sung Chính phủ quy định chi tiết để bổ sung trách nhiệm doanh nghiệp phải gửi thêm hồ sơ để xác định doanh thu của hệ thống tập đoàn, kê khai doanh thu công ty liên kết... để làm căn cứ xác định doanh nghiệp nhỏ, vừa.</p>	
UBND tỉnh Phú Thọ (công văn số 1033/STC-TCDN ngày 28/6/2024 của Sở Tài chính)	<p>Quy định về thuế suất</p> <p>Khoản 2 Điều 10 dự thảo quy định: “2. <i>Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ...</i>”.</p> <p>Đề nghị sửa đổi thành nội dung: “2. <i>Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa...</i>”.</p> <p>Lý do: Bổ sung quy định về doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p>	Việc xác định doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ theo Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa là rất rộng, không đảm bảo chính sách áp dụng đúng đối tượng cần ưu đãi.
UBND tỉnh Kiên Giang (công văn số 1034/CTKGI-NVDTPC ngày 02/7/2024 của Cục thuế)	<p>1. Đề xuất thống nhất mức thuế suất thuế TNDN đối với loại hình doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ là 17%. Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 10, thành:</p> <p>“Điều 10. Thuế suất</p> <p>2. Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ</p> <p>a) Thuế suất 15% 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.</p> <p>b) ...</p>	Quy định tại dự thảo Luật nhằm khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ vốn là các đối tượng yếu thế hơn và cũng để khuyến khích các hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp.

		<p>c) Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 17% và 15% tại khoản này là tổng doanh thu của năm trước liền kề. Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, giao Chính phủ quy định cụ thể tổng doanh thu làm căn cứ áp dụng”.</p> <p>Lý do: cùng là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ áp dụng 02 mức thuế suất khác nhau không phù hợp và không khuyến khích doanh nghiệp phát triển.</p>	
UBND tỉnh Nghệ An (công văn số 5612/UBND-KT ngày 05/7/2024)	<p>Tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 10 dự thảo Luật: “a. Thuế suất 15 % áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng. b. Thuế suất 17 % áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.”</p> <p>Đề nghị sửa thành: “a. Thuế suất 15 % áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm theo tiêu chí doanh thu của doanh nghiệp siêu nhỏ. b. Thuế suất 17 % áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm theo tiêu chí doanh thu của doanh nghiệp nhỏ.”</p> <p>Lý do: Không đưa ngưỡng doanh thu để đảm bảo tính ổn định của Luật và tính đồng bộ, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan, tránh chồng chéo trong các quy định của Nhà nước (Hiện nay theo Điều 9 Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh thu của doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ dựa vào lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp sẽ có mức doanh thu khác nhau). Do đó việc đồng nhất một ngưỡng doanh thu không phân biệt lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp để xác định doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chưa phù hợp với các quy định hiện hành.</p>	Việc xác định doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ theo Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa là rất rộng, không đảm bảo chính sách áp dụng đúng đối tượng cần ưu đãi	
UBND thành phố Đà Nẵng (công văn số 3629/UBND-KT ngày 5/7/2024)	Thuyết minh và dự thảo Báo cáo đánh giá tác động xác định; để đảm bảo chính sách hỗ trợ đúng và trúng đối tượng cần hỗ trợ, tránh dàn trải, phù hợp với Luật Hỗ trợ DNNVV và thực tế áp dụng chính sách hỗ trợ về thuế TNDN đối với nhóm doanh nghiệp có quy mô nhỏ đã được thực hiện thời gian qua, cũng như đảm bảo đơn giản, thuận lợi trong thực hiện, cần xem xét áp dụng thuế suất thuế TNDN phù hợp đối với doanh nghiệp thuộc nhóm có quy mô nhỏ và siêu nhỏ tương đương với mức thuế suất áp dụng đối với một số ngành, nghề ưu đãi hay tại địa bàn có điều kiện kinh tế	Việc xác định doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ theo Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa là rất rộng, không thuận lợi trong thực hiện của doanh nghiệp và cơ quan thuế cũng như không đảm bảo chính sách áp dụng đúng đối tượng cần ưu đãi	

		<p>- xã hội khó khăn.</p> <p>Cụ thể nội dung quy định tại khoản 2 Điều 10 dự thảo Luật quy định: Mức thuế suất thuế TNDN đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ: Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng; Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng và Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 17% và 15% là tổng doanh thu của năm trước liền kề. Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, giao Chính phủ quy định cụ thể tổng doanh thu làm căn cứ áp dụng.</p> <p>Tuy nhiên, tại Điều 4 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa phải đáp ứng đồng thời ba tiêu chí: số lao động, nguồn vốn và doanh thu.</p> <p>Do đó để đảm bảo phù hợp với Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tránh lạm dụng chính sách để tránh thuế trong thực tế; đề nghị tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ được áp dụng thuế suất 15%, 17% phải đáp ứng hai tiêu chí là doanh thu và nguồn vốn.</p>	
	<p>UBND tỉnh Khánh Hòa (công văn số 7382/UBND-KT ngày 05/7/2024)</p>	<p>1. Tại khoản 2 Điều 10 dự thảo Luật thuế TNDN sửa đổi: * Nội dung tại dự thảo Luật: “2. <i>Mức thuế suất thuế TNDN đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ</i> Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá hai mươi tỷ đồng áp dụng thuế suất 20%. Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 20% tại khoản này là doanh thu của năm trước liền kề. a) <u>Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.</u> b) <u>Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.</u> c) <u>Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 17% và 15% tại khoản này là tổng doanh thu của năm trước liền kề. Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, giao Chính phủ quy định cụ thể tổng doanh thu làm căn cứ áp dụng</u>”.</p> <p>* Đề nghị sửa thành “2. <i>Mức thuế suất thuế TNDN đối với doanh nghiệp thuộc nhóm</i></p>	<p>Dự thảo Luật quy định áp dụng đối với nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, do đó, nhằm hỗ trợ đúng, trúng các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, quy định như dự thảo là phù hợp.</p>

		<p><i>doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá hai mươi tỷ đồng áp dụng thuế suất 20%.</i></p> <p><i>Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 20% tại khoản này là doanh thu của năm trước liền kề.</i></p> <p>a) Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có <u>tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ năm không quá 03 tỷ đồng.</u></p> <p>b) Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có <u>tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.</u></p> <p>c) <u>Tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 17% và 15% tại khoản này là tổng doanh thu của năm trước liền kề. Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, giao Chính phủ quy định cụ thể tổng doanh thu làm căn cứ áp dụng.</u></p> <p>Lý do: Để làm rõ hơn khoản doanh thu này không bao gồm thu nhập khác của doanh nghiệp</p>	
	<p>Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam (công văn số 5502/VNPT-KTTC ngày 01/7/2024)</p>	<p>8. Khoản 2 Điều 10 quy định về thuế suất thuế TNDN:</p> <p><i>"2. Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ:</i></p> <p><i>a) Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.</i></p> <p><i>b) Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng."</i></p> <p>Đề nghị sửa thành:</p> <p><i>"2. Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ:</i></p> <p><i>a) Thuế suất 10% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 10 tỷ đồng.</i></p> <p><i>b) Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 10 tỷ đồng đến không quá 30 tỷ đồng.</i></p> <p><i>c) Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 30 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng."</i></p> <p>Lý do:</p> <p>- Các doanh nghiệp thường có lợi nhuận rất thấp nên doanh thu năm</p>	<p>Nội dung tại dự thảo Luật đã được nghiên cứu kỹ, đảm bảo chính sách ưu đãi phù hợp với từng đối tượng, tránh lãng phí, dàn trải.</p>

		<p>chỉ đạt 03 tỷ đồng, do vậy áp thuế TNDN 15% là rất cao đối với doanh nghiệp siêu nhỏ này và sẽ không tạo động lực cho các công ty phát triển</p> <p>- Mức thuế TNDN giống nhau đối với các doanh nghiệp có thu nhập từ 03 tỷ đến dưới 50 tỷ là như nhau là chưa phù hợp.</p>	
7. Về phương pháp tính thuế (Điều 11 dự thảo Luật)			
	<p>UBND tỉnh Bắc Ninh (công văn số 3360/CTBNI-TTHT ngày 28/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>Về phương pháp tính thuế:</p> <p>1. Đề nghị quy định lại điểm b khoản 2 Điều 11 tương tự như điểm a khoản 3 Điều 11 do đều cùng một nội dung, cụ thể:</p> <p><i>“b) Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%”</i></p> <p>2. Tại khoản 3 Điều 11 Luật sửa đổi:</p> <p><i>“3. Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Luật này, trong trường hợp xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ, cụ thể như sau:</i></p> <p><i>a) Phân phối, cung cấp hàng hóa: 0,3%.</i></p> <p><i>b) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 1,2%.</i></p> <p><i>c) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 1,5%. Riêng hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý số xổ, đại lý bán hàng đa cấp 4%.</i></p> <p><i>d) Hoạt động khác: 0,5%”.</i></p> <p>Đề nghị sửa đổi: bỏ quy định này.</p> <p>Lý do: Vì đã thành lập doanh nghiệp thì phải có trách nhiệm hạch toán kế toán, kê khai thuế đầy đủ theo chuẩn mực kế toán và sử dụng hóa đơn theo quy định.</p> <p>3. Tại khoản 4 Điều 11 Luật sửa đổi: bỏ cụm từ <i>“đơn vị sự nghiệp”</i> và sửa thành như sau:</p> <p><i>“4. Tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác quy định tại các điểm c, d, đ khoản 1 Điều 2 của Luật này có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thu nhập được miễn thuế quy định tại Điều 4 Luật này) mà các đơn vị này hạch toán được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh thì kê khai</i></p>	<p>Khoản 3 Điều 11 dự thảo Luật quy định cho phép áp dụng phương pháp tính thuế đơn giản đối với các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ dưới 03 tỷ đồng nhằm khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, tạo điều kiện hơn cho loại hình này phát triển sau khi chuyển đổi.</p> <p>Quy định này nhằm đảm bảo cho các ĐVSN có hoạt động sản xuất, kinh doanh mà các đơn vị này không hạch toán được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập.</p> <p>Mức độ tự chủ của các ĐVSN là khác nhau, đồng thời, hiện nay các ĐVSN ngày càng đa dạng hóa các</p>

		<p><i>nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ, cụ thể như sau:</i></p> <p>...</p> <p>Lý do: Hiện nay các đơn vị sự nghiệp công lập đã quy định rõ, các đơn vị này đều hạch toán được kê toán chi tiết để làm căn cứ quyết toán vốn NSNN, NSNN cấp bù với cơ quan nhà nước. Do vậy, đề nghị bỏ quy định về đơn vị sự nghiệp công lập ra khỏi khoản này.</p>	<p>hoạt động kinh doanh, thực tế một số hoạt động không thể xác định riêng được chi phí, thu nhập.</p>
	<p>UBND tỉnh Kiên Giang (công văn số 1034/CTKGI-NVDTPC ngày 02/7/2024 của Cục thuế)</p>	<p>Đề xuất sửa đổi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11, thành: “Điều 11. Phương pháp tính thuế 2. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với doanh nghiệp quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 2 của Luật này được tính theo tỷ lệ % trên doanh thu phát sinh tại Việt Nam, cụ thể như sau: a) Dịch vụ: 5%; riêng dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino: 10%; trường hợp cung ứng dịch vụ có gắn với hàng hóa thì hàng hóa được tính theo tỷ lệ 1% và dịch vụ là 5%; trường hợp không tách riêng được giá trị hàng hoá với giá trị dịch vụ: 2%.</p> <p>Lý do: Cụ thể hơn cách tính thuế TNDN tại khoản này trong trường hợp cung ứng dịch vụ có gắn với hàng hóa mà xác định được giá trị hàng hóa và dịch vụ.</p>	<p>Quy định tại dự thảo Luật đã cùng cách hiểu đối với dịch vụ nói chung là 5% (trừ cung ứng dịch vụ có gắn với hàng hóa). Đồng thời, nội dung này Luật hóa quy định tại Nghị định đang thực hiện và thực tế không phát sinh vướng mắc, do đó, đề nghị cho giữ như dự thảo.</p>
	<p>UBND tỉnh Quảng Ngãi (công văn số 3145/CTQNG-NVDTPC ngày 01/7/2024 của Cục thuế)</p>	<p>a) Tại Khoản 3, Điều 11, bổ sung, điều chỉnh đoạn “3. Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Luật này, trong trường hợp xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí”, thành “3. Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Luật này, trong trường hợp không xác định được chi phí, ...”.</p> <p>Lý do: Bỏ cụm từ “xác định được doanh thu nhưng” vì theo quy định doanh nghiệp phải có trách nhiệm xác định và kê khai thuế đúng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra. Do đó quy định “trong trường hợp xác định được doanh thu” đối với doanh nghiệp là không cần thiết.</p> <p>b) Tại khoản 4 Điều 11, bổ sung, điều chỉnh đoạn “4. Tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác quy định tại điểm c, d, đ Khoản 1 Điều 2 Luật này có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế TNDN (trừ thu nhập được miễn thuế theo quy định tại Điều 4 Luật này) mà các đơn vị này hạch toán</p>	<p>Nội dung này đã được quy định tại Luật và các văn bản hướng dẫn đang thực hiện và thực tế không phát sinh vướng mắc, do đó, đề nghị cho giữ như dự thảo.</p>

		<p>được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh thì kê khai nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu bán hàng hóa dịch vụ, cụ thể như sau:...” thành “4. Tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều 2 Luật này có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ... thì được lựa chọn phương pháp tính thuế TNDN theo phương pháp kê khai (thu nhập tính thuế x thuế suất theo quy định) hoặc kê khai nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu, bán hàng hóa, dịch vụ, cụ thể như sau:...”.</p> <p>Lý do: Quy định được lựa chọn phương pháp tính thuế TNDN đối với các trường hợp trên sẽ giúp cho người nộp thuế chủ động hơn trong việc lựa chọn phương pháp kê khai thuế TNDN phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh của đơn vị mình.</p>	<p>Nội dung này Luật hóa quy định tại Nghị định đang thực hiện và thực tế không phát sinh vướng mắc, do đó, đề nghị cho giữ như dự thảo.</p>
	<p>UBND tỉnh Cà Mau (công văn số 1417/CTCMA-NVDTPC ngày 28/6/2024)</p>	<p>- Tại điểm c khoản 3 Điều 11 dự thảo: Đề nghị chỉnh sửa cụm từ “đại lý số xổ” thành “đại lý xổ số” cho phù hợp.</p>	<p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.</p>
	<p>Cục thuế tỉnh Quảng Nam (công văn số 5692/CTQNA-NVDTPC ngày 03/7/2024)</p>	<p>- Tại khoản 3 Điều 11 dự thảo Luật: Kiến nghị điều chỉnh tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ như sau:</p> <p>“3. Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Luật này, trong trường hợp xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ, cụ thể như sau:</p> <p>a) Phân phối, cung cấp hàng hóa: 0,3% 0,5%</p> <p>b) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 1,2% 1,5%</p> <p>c) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 1,5% 2%. Riêng hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý số xổ, đại lý bán hàng đa cấp 4% 5%</p> <p>d) Hoạt động khác: 0,5% 1%”.</p> <p>Lý do: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương</p>	<p>Quy định tại dự thảo Luật nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi trong kê khai cho các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, khuyến khích hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp.</p>

		pháp kê khai đã áp dụng tỷ lệ nêu trên để tính thuế TNCN được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính. Do vậy, khi áp dụng tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ để kê khai nộp thuế TNDN đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng nên bằng hoặc cao hơn so với hộ kinh doanh là phù hợp.	
	UBND tỉnh Nghệ An (công văn số 5612/UBND-KT ngày 05/7/2024)	<p>Tại khoản 3 Điều 11 dự thảo Luật đề nghị bỏ nội dung:</p> <p><i>“3. Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng trong trường hợp xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ (%) trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ, cụ thể như sau:</i></p> <p><i>a) Phân phối, cung cấp hàng hóa: 0,3%</i></p> <p><i>b) Sản xuất, vận tải dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 1,2%</i></p> <p><i>c) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 1,5%. Riêng hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp: 4%</i></p> <p><i>d) Hoạt động khác: 0,5%.”</i></p> <p>Lý do: Theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Doanh nghiệp có nghĩa vụ “<i>Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật</i>” do đó doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật nên doanh nghiệp sẽ xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh.</p>	Quy định tại dự thảo Luật nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi trong kê khai cho các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ, khuyến khích hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp.
	UBND tỉnh TP. Hải Phòng (công văn số 2467/CTHPH-TTHT ngày 27/6/2024 của Cục thuế)	<p>Tại Điều 11 quy định về phương pháp tính thuế. Điều này chưa quy định phương pháp tính thuế đối với trường hợp: “doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế TNDN mà các đơn vị này xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh”.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung trường hợp này vào khoản 4 Điều 11.</p>	Đối với các doanh nghiệp thông thường đang hoạt động thì phải thực hiện chế độ hóa đơn, chứng từ và xác định doanh thu, chi phí và thu nhập theo quy định. Thực tế thực hiện không phát sinh vướng mắc.
8. Về nguyên tắc, đối tượng áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (Điều 12 dự thảo Luật)			

Đài Truyền hình Việt Nam (công văn số 839/THVN-VP ngày 03/7/2024)	Đề nghị sửa đổi điểm v, khoản 2 Điều 12 Dự thảo: “v) Báo chí (bao gồm cả quảng cáo trên báo) theo quy định của Luật Báo chí” thành “v) Cơ quan Báo chí được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật”.	Nội dung quy định tại điểm này đang quy định ưu đãi theo “ngành nghề”, không phải ưu đãi theo chủ thể, pháp nhân. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo.
Bộ Công thương (công văn số 4944/BCT-KHTC ngày 12/7/2024)	<p>Theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư năm 2020 và khoản 8, tiểu mục I, mục A Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, “<i>Sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ</i>” là ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.</p> <p>Theo quy định tại Điều 15 Luật Đầu tư năm 2020, ngành, nghề ưu đãi đầu tư sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư của Nhà nước, trong đó có hình thức ưu đãi về Thuế thu nhập doanh nghiệp, với hình thức “<i>áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn thuế, giảm thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp</i>”.</p> <p>Tuy nhiên, tại Dự thảo Luật thuế TNDN (sửa đổi) hiện nay chưa bổ sung quy định về ưu đãi thuế đối với ngành, nghề này. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung ngành nghề “<i>Sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ</i>” vào Danh mục ngành, nghề ưu đãi thuế TNDN tại khoản 2 Điều 12 của dự thảo Luật, với mức ưu đãi đầu tư cao nhất (tương tự như mức ưu đãi đối với các ngành, nghề quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 12), do đây là ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p>	Luật thuế TNDN được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng của Đảng, của Nhà nước, góp phần cơ cấu lại NSNN theo hướng an toàn, bền vững, đồng thời, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, khuyến khích và thu hút đầu tư có chọn lọc để phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng theo định hướng phát triển của Nhà nước. Vì vậy, tại đề nghị xây dựng Luật chỉ đưa ra định hướng sửa đổi, bổ sung một số lĩnh vực quan trọng ưu tiên phát triển. Do đó, đề nghị cho giữ như dự thảo.
Bộ Thông tin và Truyền thông (công văn số 2858/BTTTT-KHTC ngày 19/7/2024)	<p>1. Quy định cụ thể và phân tách rõ hai loại hình khu công nghệ: khu công nghệ cao và khu công nghệ thông tin tập trung tại dự thảo Luật:</p> <p>- Bộ TTTT đề nghị BST phân tách rõ hai loại hình khu công nghệ cao và khu công nghệ thông tin tập trung và viết lại như sau:</p> <p>+ Điểm c, khoản 3, Điều 12: “<i>Khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm cả khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao), khu công nghệ thông</i></p>	Nội dung này kế thừa các quy định hiện hành, đảm bảo thống nhất với quy định của pháp luật chuyên ngành và thực tế không phát sinh vướng mắc.

		<p>tin tập trung”.</p> <p>+ Điểm d, khoản 1, Điều 13: “Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ cao; khu công nghệ thông tin tập trung; dự án đầu tư mới tại khu kinh tế nằm trên địa bàn ưu đãi thuế quy định tại các điểm a, b khoản 3, Điều 12 của Luật này”.</p> <p>- Bộ TTTT đề xuất trên cơ sở các văn bản và quy định sau:</p> <p>Khu công nghệ cao và khu công nghệ thông tin tập trung là 02 mô hình khu chức năng khác nhau, có mô hình, đặc điểm, quy trình, trình tự thủ tục thành lập, công nhận, mở rộng khác nhau và được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, cụ thể:</p> <p>+ Khu công nghệ cao được quy định tại khoản 1, Điều 31, Luật Công nghệ cao năm 2008 “Khu công nghệ cao là nơi tập trung, liên kết hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng công nghệ cao; ương tạo công nghệ cao, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao”.</p> <p>+ Khu công nghệ thông tin tập trung được quy định tại Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ quy định về khu công nghệ thông tin tập trung “Khu công nghệ thông tin tập trung là khu tập trung các hoạt động nghiên cứu - phát triển, đào tạo, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, cung cấp hạ tầng, cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin cho các tổ chức, doanh nghiệp và các hoạt động khác liên quan đến công nghệ thông tin”.</p> <p>Luật Đất đai năm 2024 đã quy định rõ và tách bạch hai loại hình khu công nghệ này, trong đó: Khu công nghệ thông tin tập trung quy định tại Điều 202 và Khu công nghệ cao quy định tại Điều 204 của Luật.</p> <p>Việc quy định tách biệt hai loại hình khu công nghệ này bảo đảm sự thống nhất các quy định của pháp luật và tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai, áp dụng chính sách pháp luật ổn định, lâu dài; đảm bảo sự đồng bộ và thống nhất giữa pháp luật thuế và pháp luật chuyên ngành.</p> <p>2. Bổ sung các nội dung sau thuộc ngành nghề <u>đặc biệt được ưu đãi đầu tư theo quy định của Chính phủ vào Dự thảo Luật:</u></p> <p>- Đề nghị BST bổ sung vào điểm b, khoản 2, Điều 12, dự thảo Luật các nội dung mới gồm: “sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin</p>	<p>Dự thảo Luật xây dựng theo đúng chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước nhằm góp phần cơ cấu lại NSNN theo hướng an toàn, bền vững, hạn chế bổ sung chính sách miễn,</p>
--	--	--	---

trọng điểm; thiết kế và sản xuất bán dẫn; sản xuất sản phẩm an toàn thông tin mạng và cung cấp dịch vụ an toàn thông tin mạng đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng; công nghiệp công nghệ số, sản xuất sản phẩm công nghệ số” để được áp dụng chính sách thuế TNDN ưu đãi như sản xuất sản phẩm phần mềm; sản xuất sản phẩm nội dung thông tin số ưu tiên phát triển và cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin quan trọng do Chính phủ quy định.

- Cơ sở Bộ TTTT đề xuất là do các nội dung này thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư được quy định tại các văn bản sau:

a) Đối với sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin (CNTT) trọng điểm; sản xuất sản phẩm an toàn thông tin mạng và cung cấp dịch vụ an toàn thông tin mạng đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng:

- Khoản 4, Điều 50 Luật Công nghệ thông tin năm 2006 quy định “*Tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu - phát triển, sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm được hưởng ưu đãi theo quy định của Chính phủ; được Nhà nước ưu tiên đầu tư và được hưởng một phần tiền bản quyền đối với sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm do Nhà nước đầu tư*”.

- Khoản 3, Điều 5, Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 quy định: “*khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, nghiên cứu, phát triển và cung cấp sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng*”.

- Theo pháp luật về đầu tư sản xuất sản phẩm CNTT trọng điểm; sản xuất sản phẩm an toàn thông tin mạng và cung cấp dịch vụ an toàn thông tin mạng đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng thuộc danh mục ngành, nghề **đặc biệt ưu đãi đầu tư** theo quy định tại khoản 5 mục I phần A của Phụ lục II, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đầu tư “*Sản xuất sản phẩm phần mềm, sản phẩm nội dung thông tin số, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin; sản xuất sản phẩm an toàn thông tin mạng và cung cấp dịch vụ an toàn thông tin mạng đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng*”.

giảm thuế; đảm bảo tính trung lập của chính sách thuế.

Nội dung đề xuất cũng trùng lặp với một số chính sách ưu đãi đã được quy định tại dự thảo Luật như lĩnh vực công nghệ cao, khoa học và công nghệ.

Nội dung chi tiết các dịch vụ công nghệ thông tin quan trọng, đề nghị thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Đối với thiết kế và sản xuất bán dẫn:

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định: *“Ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên của các ngành công nghiệp nền tảng: thiết kế và sản xuất chip bán dẫn”*.

- Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển xác định:

“Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển bao gồm công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC); Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển có vi mạch điện tử tích hợp (IC); vật liệu bán dẫn”.

- Điều a, mục 4 và mục 5 phần II, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 xác định:

“Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp; tập trung phục hồi, phát triển các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất chip bán dẫn để trở thành một động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.... Khẩn trương nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đột phá nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn trong thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm, công nghiệp nền tảng và công nghệ mới nổi (chip bán dẫn...).... Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, chip và chất bán dẫn gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa đổi mới sáng tạo khởi nghiệp”.

- Khoản 1, Điều 7, Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc Hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh quy định về ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố xác định:

		<p>“Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố bao gồm:</p> <p>a) Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyên gia công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin.</p> <p>b) Đầu tư dự án trong lĩnh vực công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên”.</p> <p>- Hiện nay thành phố Đà Nẵng đang dự thảo thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng trong đó có công nghiệp bán dẫn.</p> <p>- Bộ TTTT đang xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành “Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2050” nhằm thúc đẩy ngành công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam phát triển theo định hướng chiến lược của Đảng và nhà nước. Trong đó xác định việc tạo các ưu đãi (đặc biệt là thuế) là nội dung quan trọng để thu hút FDI, và hỗ trợ các doanh nghiệp bán dẫn phát triển.</p> <p>c) Đối với công nghiệp công nghệ số, sản xuất sản phẩm công nghệ số:</p> <p>Cơ sở Bộ TTTT đề xuất là vì hiện nay Bộ TTTT đang xây dựng dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số, trong đó dự kiến quy định công nghiệp công nghệ số, sản xuất sản phẩm công nghệ số là ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.</p> <p>Vì đề nghị BST bổ sung nội dung này vào điểm b, khoản 2, Điều 12, dự thảo Luật để có cơ sở thực hiện khi Luật Công nghiệp công nghệ số có hiệu lực.</p>	
	<p>UBND tỉnh Quảng Ninh (công văn số: 6645 /CTQNI-NVDTPC ngày 29/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>6. Tại khoản 2 Điều 12 quy định:</p> <p>“t) Đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua đối với các đối tượng quy định tại <u>Điều 76 của Luật Nhà ở</u>.”</p> <p>Đề nghị sửa như sau:</p> <p>“t) Đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua đối với các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở.”</p>	<p>Quy định tại dự thảo Luật nhằm chỉ rõ đối tượng được ưu đãi tại Luật Nhà ở, tránh hiểu cho các đối tượng khác thuộc Luật Nhà ở.</p>

	<p>UBND tỉnh Gia Lai (công văn số 1313/CTGLA-NVDTPC ngày 28/6/2024)</p>	<p>Lý do: Để đảm bảo việc áp dụng cả trong trường hợp có sửa đổi Luật Nhà ở.</p> <p>1. Về nguyên tắc, đối tượng áp dụng ưu đãi thuế TNDN Tại khoản 1 Điều 12 dự thảo Luật quy định: “Điều 12. Nguyên tắc, đối tượng áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo ngành, nghề ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này. Mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 của Luật này. Trường hợp các Luật khác có quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khác với quy định của Luật này thì thực hiện theo quy định của Luật này”.</p> <p>Đề nghị ban soạn thảo bỏ đoạn: “Trường hợp các luật khác có quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khác với quy định của Luật này thì thực hiện theo quy định của Luật này”.</p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung quy định này trái với quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015: “3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau”. - Qua thực tế xây dựng các luật nói chung, Luật Thuế TNDN nói riêng; theo yêu cầu cấp bách của từng thời kỳ không thể sửa đổi kịp thời theo từng luật cụ thể mà Luật này có thể sửa đổi một số điều ở các Luật khác, như vừa qua Luật Khám chữa bệnh 2024 có sửa đổi, bổ sung một điều luật tại Luật thuế TNDN. Do đó, việc quy định cứng, ưu đãi thuế TNDN chỉ áp dụng theo quy định tại Luật thuế TNDN sẽ khó khăn trong công tác xây dựng luật. <p>2. Về ngành, nghề ưu đãi thuế TNDN Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật như sau: “2. Ngành, nghề ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là ngành nghề ưu đãi đầu tư do Chính phủ quy định bao gồm: a) Ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư. b) Ngành, nghề ưu đãi đầu tư”.</p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành, nghề ưu đãi đầu tư đã được quy định cụ thể tại Luật Đầu 	<p>Tại điểm b khoản 1 Mục I Điều 1 Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 quy định: Các chính sách thuế, phí và lệ phí (gọi chung là thuế) chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về thuế và được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính nhất quán về hiệu lực pháp lý giữa các luật thuế và các văn bản pháp luật có liên quan.</p> <p>Do đó, đề nghị cho giữ như dự thảo.</p> <p>Luật thuế TNDN được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng của Đảng, của Nhà nước, góp phần cơ cấu lại NSNN theo hướng an toàn, bền vững, đồng thời, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, khuyến khích và thu hút đầu tư có chọn lọc để phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng theo định hướng phát triển của Nhà nước. Vì vậy, tại đề nghị xây dựng Luật chỉ đưa ra định hướng sửa đổi, bổ sung một số lĩnh vực quan trọng, ưu tiên phát triển. Do</p>
--	---	---	---

	<p>tư và các văn bản chi tiết; việc xác định ngành nghề ưu đãi đầu tư từng thời kỳ và trình Chính phủ ban hành thuộc chức năng của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Do đó, tại Luật Thuế TNDN không nên quy định ngành nghề ưu đãi cụ thể mà chỉ nên dẫn chiếu ngành nghề ưu đãi theo pháp luật về đầu tư; gồm ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và ngành nghề ưu đãi đầu tư. Hiện nay, ngành nghề ưu đãi đầu tư đã được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;</p> <p>- Hơn nữa, theo yêu cầu phát triển kinh tế, từng thời kỳ sẽ phát sinh các ngành nghề cần ưu đãi được bổ sung tại pháp luật đầu tư nhưng Luật thuế TNDN không sửa đổi bổ sung kịp thời sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển kinh tế của Chính phủ.</p> <p>3. Về địa bàn ưu đãi thuế TNDN: Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 dự thảo Luật như sau: “3. Địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là địa bàn ưu đãi đầu tư do Chính phủ quy định, bao gồm: a) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. b) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (trừ Khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ)”.</p> <p>Lý do:</p> <p>- Như ngành nghề ưu đãi đầu tư nói tại điểm 2 công văn này, địa bàn ưu đãi đầu tư đã được quy định cụ thể tại Luật Đầu tư và các văn bản chi tiết; - Tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định 02 địa bàn ưu đãi: Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (bao gồm Khu kinh tế, khu công nghệ cao (kể cả khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo quy định của Chính phủ)); Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (bao gồm Khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ));</p> <p>- Xét thấy hiện nay Khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ không cần ưu đãi thuế TNDN thì ghi chú loại trừ. Theo đó, căn cứ vào hai mức độ ưu đãi về ngành nghề và hai địa bàn ưu đãi để tổ hợp xác định mức ưu đãi về thuế suất và thời gian ưu đãi.</p> <p>4. Về kế thừa các ưu đãi thuế TNDN: Đề nghị sửa đổi, bổ sung</p>	<p>đó, đề nghị cho giữ như dự thảo.</p> <p>Nội dung này sẽ được nghiên cứu, thể hiện tại Nghị định hướng dẫn Luật.</p> <p>Nội dung tại dự thảo Luật đã đảm bảo tính bao quát các trường hợp này.</p>
--	--	--

		<p>khoản 9 Điều 12 dự thảo Luật như sau: “9. Doanh nghiệp thành lập hoặc doanh nghiệp có dự án đầu tư từ việc sáp nhập, hợp nhất chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, <u>chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng tài sản, nhân góp vốn bằng dự án có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (kể cả tiền phạt nếu có), đồng thời được kế thừa các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (kể cả các khoản lỗ chưa được kết chuyển) của doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư trước khi chuyển đổi, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, <u>chuyển nhượng, góp vốn</u> nếu tiếp tục đáp ứng các điều kiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, điều kiện chuyển lỗ theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để phù hợp với Luật Đầu tư, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án được kế thừa ưu đãi đầu tư nếu tiếp tục đáp ứng các điều kiện ưu đãi; - Để phù hợp với Luật Đầu tư, đồng bộ ưu đãi về tiền thuê đất khi nhà đầu tư nhận chuyển nhượng tài sản và tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích, đúng mục tiêu dự án khi nhận chuyển nhượng, quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 22/6/2015; - Bổ sung quy định nhà đầu tư nhận góp vốn bằng dự án đầu tư và tiếp tục đáp ứng các điều kiện ưu đãi của dự án. 	
	<p>UBND tỉnh Hà Tĩnh (công văn số 2110/CTHT-NVDTPC ngày 28/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>1. Tại Điều 12. Nguyên tắc, đối tượng áp dụng ưu đãi thuế TNDN</p> <p>Đề nghị bổ sung như sau:</p> <p>.... 2. Ngành, nghề ưu đãi thuế TNDN bao gồm:</p> <p>m) Cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản. Thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản quy định tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 của Luật này.</p> <p>Tuy nhiên tại khoản 3 Điều 4 của Dự thảo quy định “Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp, bao gồm: Thu nhập từ dịch vụ tưới, tiêu nước; cày, bừa đất, nạo vét kênh, mương nội đồng; dịch vụ phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng, vật nuôi; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp” là thu nhập miễn thuế, không quy định liên quan đến các điều kiện, do đó đề nghị xem xét sửa điều khoản trích dẫn nêu trên đảm bảo chính xác.</p>	<p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.</p>

		<p>...</p> <p>4. <i>“Trong cùng một thời gian, nếu Trường hợp khoản thu nhập của doanh nghiệp thuộc diện áp dụng đáp ứng nhiều mức điều kiện ưu đãi thuế khác nhau đối với cùng một khoản thu nhập thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế theo điều kiện có lợi nhất. Doanh nghiệp phải có văn bản lựa chọn áp dụng điều kiện ưu đãi gửi cơ quan thuế vào kỳ tính thuế kê khai thuế TNDN lần đầu. Việc lựa chọn được thực hiện ổn định trong toàn bộ thời gian hưởng ưu đãi”</i>.</p> <p>5. Áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo tiêu chí địa bàn ưu đãi TNDN</p> <p>....</p> <p>b) <i>“Doanh nghiệp mới thành lập (không gắn với dự án đầu tư) hoặc gắn với dự án đầu tư trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ tại địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ được hưởng ưu đãi đối với thu nhập của dự án đầu tư phát sinh tại địa bàn thực hiện dự án đầu tư”</i>.</p> <p>2. Tại Điều 15 Hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư (Luật đầu tư số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020)</p> <p>...</p> <p>2. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư</p> <p>c) <i>“Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời có một trong các tiêu chí sau: có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng mỗi năm trong thời gian chậm nhất sau 03 năm kể từ năm có doanh thu hoặc sử dụng trên 3.000 lao động”</i>. Theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành dự án nói trên được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% trong thời gian 15 năm, miễn tối đa không quá bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo.</p> <p>Tuy nhiên tại khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật thuế TNDN (sửa đổi) dự án nói trên không được quy định trong danh mục các ngành, nghề ưu đãi thuế TNDN. Nên bổ sung ngành nghề này vào khoản 2 Điều 12 của dự thảo Luật thuế TNDN.</p>	<p>Nội dung này được thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế.</p> <p>Việc áp dụng ưu đãi theo dự án đầu tư là phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính minh bạch, thuận lợi trong thực hiện cho cả doanh nghiệp và cơ quan thuế, thống nhất với pháp luật về đầu tư.</p> <p>Tại báo cáo thuyết minh chi tiết đã có nội dung giải trình việc lược bỏ đối tượng này khỏi ngành, nghề ưu đãi thuế TNDN.</p>
	<p>UBND tỉnh Điện Biên (công văn số 366/CTHGI-NVDTPC</p>	<p>Tại điểm m khoản 2 Điều 12, viện dẫn đến quy định tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Luật, tuy nhiên khoản 3 Điều 4 không quy định về điều kiện đối với thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản, do đó đề nghị cơ</p>	<p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.</p>

	<p>ngày 10/4/2023 của Cục thuế) UBND tỉnh Quảng Ngãi (công văn số 3145/CTQNG-NVDTPC ngày 01/7/2024 của Cục thuế)</p>	<p>quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa lại quy định trên để đảm bảo tính chính xác. Tương tự lý do trên, đề nghị chỉnh sửa lại quy định tại điểm r khoản 2 điều 12 để đảm bảo tính chính xác.</p>	
	<p>Cục thuế tỉnh Quảng Nam (công văn số 5692/CTQNA-NVDTPC ngày 03/7/2024)</p>	<p>1. Tại điểm a khoản 4 Điều 12: Kiến nghị bổ sung nội dung <i>"Công ty phải thông báo bằng văn bản với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước khi thực hiện và áp dụng mức ưu đãi thuế trọn kỳ tính thuế đã đăng ký ban đầu"</i>. <i>"a) Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp mà lựa chọn chuyển sang áp dụng ưu đãi thuế theo tiêu chí khác có mức ưu đãi thuế có lợi hơn thì phải trừ đi thời gian ưu đãi (số năm đã áp dụng miễn, giảm và thuế suất ưu đãi) đã hưởng. Công ty phải thông báo bằng văn bản với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước khi thực hiện và áp dụng mức ưu đãi thuế trọn kỳ tính thuế đã đăng ký ban đầu"</i>. Lý do: Cơ quan thuế có cơ sở để quản lý thuế. 2. Tại Điều 12: Kiến nghị bổ sung thêm khoản 10 vào Điều 12 như sau: <i>"10. Không áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này đối với doanh nghiệp thành lập mới tại vị trí mà đã/đang có doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này, trừ trường hợp doanh nghiệp thành lập mới có dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị mới hoặc kinh doanh khác ngành nghề, lĩnh vực với doanh nghiệp đã/đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp"</i>. Lý do: trong thực tế có trường hợp doanh nghiệp sau khi hết hoặc sắp hết thời gian hưởng ưu đãi thuế TNDN thì thực hiện thủ tục giải thể và thành lập doanh nghiệp mới tại vị trí cũ để tiếp tục hưởng ưu đãi nhưng thực tế vẫn giữ nguyên ngành nghề, nhân sự, cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị... Đây chính là một lỗ hổng rất lớn để các doanh nghiệp tự do lợi dụng những chính sách ưu đãi của pháp luật thuế mà hưởng lợi, gây thiệt hại cho</p>	<p>Nội dung này được thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế.</p> <p>Nội dung này sẽ được nghiên cứu, thể hiện tại dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật.</p>

	<p>UBND tỉnh Nghệ An (công văn số 5612/UBND-KT ngày 05/7/2024)</p> <p>UBND tỉnh TP. Hải Phòng (công văn số 2467/CTHPPH-TTHT ngày 27/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>ngân sách nhà nước.</p> <p>Tại điểm m khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật: <i>“m) Cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản.</i> <i>Thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản quy định tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 của Luật này.”</i></p> <p>Đề nghị sửa thành: <i>“m) trồng cây, rừng trồng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông sản, thủy sản. Thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản quy định tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này.”</i></p> <p>Lý do: Cây trồng, rừng trồng, thủy sản nuôi trồng là tên sản phẩm, không phải tên ngành, nghề kinh doanh. Các điều kiện về thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản được quy định tại khoản 1 Điều 4, không thuộc quy định khoản 3 Điều 4 dự thảo Luật.</p> <p>8. Tại điểm o Khoản 2 Điều 12 của dự thảo: <i>“o. Sản xuất, lắp ráp ô tô”</i> Đề nghị bổ sung: <i>“o. Sản xuất, lắp ráp ô tô, tàu bay, du thuyền, lọc hóa dầu”</i> Lý do: Phù hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 18 dự thảo Luật.</p> <p>9. Tại khoản 5 Điều 12 đề nghị bổ sung nội dung: <i>“Chính phủ quy định chi tiết khoản này”</i> Lý do: Đề nghị hướng dẫn chi tiết hơn áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo tiêu chí địa bàn ưu đãi thuế TNDN trong thực tiễn như dịch vụ vận tải.</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các cơ quan khác nêu trên để thể hiện tại dự thảo Luật.</p>
	<p>UBND tỉnh TP. Hải Phòng (công văn số 2467/CTHPPH-TTHT ngày 27/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>* Về địa bàn ưu đãi thuế TNDN Hiện nay, ưu đãi đầu tư đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế được quy định tại Điều 22, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế. Trong đó, quy định: Khu công nghiệp là địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng ưu đãi đầu tư áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư; Khu kinh tế là địa bàn ưu đãi đầu</p>	<p>Tại thuyết minh chi tiết đã có nội dung báo cáo, giải trình lý do điều chỉnh áp dụng ưu đãi thuế đối với khu kinh tế, áp dụng ưu đãi thuế theo địa bàn và các tiêu chí áp dụng.</p>

tu, được hưởng ưu đãi đầu tư áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Ngoài ra, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư có quy định: Khu kinh tế, khu công nghệ cao (kể cả khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo quy định của Chính phủ) là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (theo Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư).

Căn cứ các quy định nêu trên, các dự án đầu tư tại khu kinh tế, khu công nghiệp được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN tương ứng theo các quy định của pháp luật hiện hành về thuế TNDN. Đối với địa bàn các khu kinh tế, thu nhập của các doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới hiện đang được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm (theo quy định tại Điều 13, Luật thuế TNDN).

Đây là một trong những điểm nổi bật và quan trọng trong chính sách ưu đãi và thu hút đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp, khu kinh tế trong những năm qua, tạo ra sức hút không nhỏ để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp, tập đoàn lớn quan tâm tìm hiểu đầu tư tại các khu công nghiệp, khu kinh tế. Từ đó góp phần không nhỏ vào sự phát triển của các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn cả nước.

Tuy nhiên, dự thảo Luật Thuế TNDN (sửa đổi) đã có những thay đổi về áp dụng ưu đãi về thuế TNDN đối với các dự án tại khu kinh tế, khu công nghiệp, cụ thể:

- Khoản 1, Điều 12 dự thảo Luật Thuế TNDN (sửa đổi) quy định doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo địa bàn ưu đãi thuế TNDN quy định tại điều này. Trường hợp các luật khác có quy định về ưu đãi thuế TNDN khác với quy định của Luật này thì thực hiện theo quy định của Luật này.

- Khoản 3, Điều 12, dự thảo Luật Thuế TNDN (sửa đổi), quy định: Địa bàn ưu đãi thuế TNDN do Chính phủ quy định, bao gồm:

a) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

c) Khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm cả khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập).

- Điểm d, Khoản 1, Điều 13 quy định:

Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm đối với Dự án đầu tư mới tại khu kinh tế nằm trên địa bàn ưu đãi thuế quy định tại các điểm a, b Khoản 3, Điều 12 của Luật này.

- Điểm c, Khoản 4, Điều 13 quy định:

Áp dụng thuế suất 17% **trong thời gian 10 năm** đối với Dự án đầu tư mới tại khu kinh tế **không** nằm trên địa bàn quy định tại các điểm a, b Khoản 3, Điều 12 của Luật này.

Vì vậy, để đảm bảo thống nhất giữa pháp luật đầu tư và pháp luật thuế TNDN và thực hiện chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào địa bàn khu công nghiệp, khu kinh tế, đề nghị cơ quan soạn thảo dự án Luật Thuế TNDN (sửa đổi) xem xét, sửa đổi bổ sung các quy định về địa bàn hưởng ưu đãi thuế TNDN liên quan đến các khu công nghiệp, nhằm duy trì các chính sách hiện hành về ưu đãi thuế TNDN đối với các khu công nghiệp.

*** Về áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo tiêu chí địa bàn ưu đãi thuế TNDN tại điểm a khoản 5 Điều 12 của Dự thảo:**

“a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất hưởng ưu đãi thuế theo tiêu chí địa bàn ưu đãi thuế TNDN mà có **phát sinh thu nhập từ cung cấp sản phẩm, hàng hóa do dự án sản xuất ra ngoài địa bàn thực hiện dự án đầu tư** thì cũng được hưởng ưu đãi thuế đối với khoản thu nhập này.”

Đề nghị cơ quan soạn thảo:

+ Làm rõ **“thu nhập từ cung cấp sản phẩm, hàng hóa do dự án sản xuất ra ngoài địa bàn thực hiện dự án đầu tư”** vì doanh nghiệp có dự án đầu tư hưởng ưu đãi thuế TNDN theo tiêu chí địa bàn ưu đãi thuế thì thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại địa bàn ưu đãi thuế sẽ được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

+ Bổ sung thêm quy định: chỉ áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo tiêu chí địa bàn đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh phát sinh từ dự án đầu tư trên địa bàn được ưu đãi (thu nhập từ việc cung cấp sản phẩm,

		hàng hóa, dịch vụ theo mục tiêu của dự án), không áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với các khoản thu nhập khác.	
UBND tỉnh Khánh Hòa (công văn số 7382/UBND-KT ngày 05/7/2024)		<p>Tại điểm c khoản 4 Điều 12 dự thảo Luật thuế TNDN sửa đổi:</p> <p>*Nội dung tại dự thảo Luật:</p> <p>“c) Trường hợp một khoản thu nhập của doanh nghiệp vừa đáp ứng điều kiện ưu đãi về thuế suất thuế TNDN tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 13 và <u>doanh nghiệp</u> tại khoản 2 Điều 10 của Luật này, vừa đáp ứng điều kiện ưu đãi theo lĩnh vực ưu đãi khác hoặc theo địa bàn ưu đãi mà doanh nghiệp lựa chọn hưởng ưu đãi theo lĩnh vực khác hoặc theo địa bàn ưu đãi thì sau khi hết thời gian ưu đãi theo lĩnh vực ưu đãi khác hoặc theo địa bàn ưu đãi (bao gồm cả thời gian miễn thuế, giảm thuế và thuế suất ưu đãi) thì được chuyển sang áp dụng mức thuế suất đối với ngành, nghề quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 13 của Luật này và <u>doanh nghiệp</u> tại khoản 2 Điều 10 của Luật này cho thời gian còn lại.”</p> <p>* Đề nghị sửa thành:</p> <p>“c) Trường hợp một khoản thu nhập của doanh nghiệp vừa đáp ứng điều kiện ưu đãi về thuế suất thuế TNDN tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 13 và <u>đáp ứng điều kiện áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</u> tại khoản 2 Điều 10 của Luật này, vừa đáp ứng điều kiện ưu đãi theo lĩnh vực ưu đãi khác hoặc theo địa bàn ưu đãi mà doanh nghiệp lựa chọn hưởng ưu đãi theo lĩnh vực khác hoặc theo địa bàn ưu đãi thì sau khi hết thời gian ưu đãi theo lĩnh vực ưu đãi khác hoặc theo địa bàn ưu đãi (bao gồm cả thời gian miễn thuế, giảm thuế và thuế suất ưu đãi) thì được chuyển sang áp dụng mức thuế suất đối với ngành, nghề quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 13 của Luật này và <u>thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</u> tại khoản 2 Điều 10 của Luật này cho thời gian còn lại.”</p> <p>Lý do: Để dễ hiểu hơn</p>	Nội dung tại dự thảo Luật đã đảm bảo rõ ràng về nội dung để triển khai thực hiện trong thực tế.
9. Về thuế suất ưu đãi, miễn thuế, giảm thuế (Điều 13, Điều 14, Điều 15 dự thảo Luật)			
Đài Truyền hình Việt Nam (công văn số 839/THVN-VP ngày 03/7/2024)		<p>Về Thuế suất ưu đãi quy định áp dụng thuế suất 15%:</p> <p>Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 13 Dự thảo: “b) Thu nhập của cơ quan báo chí từ hoạt động thuộc ngành, nghề quy định tại điểm v khoản 2 Điều 12 của Luật này, trừ quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều này”.</p>	Nội dung đề xuất bao quát tất cả các khoản thu nhập của cơ quan báo chí đều được ưu đãi là rất rộng trong khi chưa có đánh giá tác động cụ thể.

		<p>Nội dung đề nghị sửa: “b) Thu nhập của cơ quan báo chí được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật”.</p>	
	<p>UBND tỉnh Kiên Giang (công văn số 1034/CTKGI-NVDTPC ngày 02/7/2024 của Cục thuế)</p>	<p>1. Đề xuất sửa đổi quy định tại khoản 7 Điều 13, thành: “Điều 13. Thuế suất ưu đãi 7. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại Điều này được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu. Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao, Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ sau thời điểm phát sinh doanh thu thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính kể từ năm được cơ quan có thẩm quyền chuyên ngành cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi”.</p> <p>2. Đề xuất chỉ áp dụng miễn thuế TNDN đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng. Đề nghị sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 15, thành: “Điều 15. Các trường hợp miễn, giảm thuế khác 4. Doanh nghiệp quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 10 của Luật này thành lập mới từ hộ kinh doanh được miễn thuế TNDN trong 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế.</p>	<p>Nội dung tại dự thảo Luật đã đảm bảo thuận lợi, minh bạch trong thực hiện.</p> <p>Quy định này nhằm khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp có quy mô nhỏ chuyển đổi lên doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn.</p>
	<p>Cục thuế tỉnh Thanh Hóa (công văn số 6006/CT- NVDTPC ngày 01/7/2024)</p>	<p>Tại khoản 4, Điều 13 dự thảo Luật quy định Đề nghị bổ sung cụm từ “Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện” vào đầu câu của các khoản điểm a, b, c khoản 4 Điều 13. Lý do: Để thống nhất đồng bộ nội dung này với nội dung các điểm tại các khoản 1, 2, 3 Điều 13 dự thảo Luật quy định. Tại khoản 7 Điều 13 và khoản 4 Điều 14 dự thảo Luật quy định “Điều 13. Thuế suất ưu đãi 7. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại Điều này được tính từ <u>năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu</u>”. “Điều 14. Miễn thuế, giảm thuế 4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu, kể từ năm <u>đầu tiên có doanh thu từ dự án</u> thì thời gian</p>	<p>Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.</p> <p>Dự thảo Luật đã có quy định các khoản thu nhập liên quan đến dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.</p>

		<p><i>miễn thuế, giảm thuế, được tính từ năm thứ 04”.</i></p> <p>Để thống nhất thực hiện, hiện tại nhiều địa phương đang có nhiều cách hiểu khác nhau về năm đầu tiên có doanh thu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách hiểu 1: Doanh thu của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ ngành nghề mục tiêu của dự án đầu tư. - Cách hiểu 2: Doanh thu phát sinh kể từ khi triển khai dự án (khi triển khai dự án có thể phát sinh doanh thu khác, doanh thu tài chính, các khoản doanh thu này không liên quan đến ngành nghề mục tiêu của dự án). <p>Đề nghị quy định rõ vướng mắc trên tại Luật này hoặc giao Chính phủ hoặc Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể hơn để thực hiện.</p>	
	<p>Thanh tra Chính phủ (công văn số 1485/TTCP-V.II ngày 15/7/2024)</p>	<p>Đối với nội dung tại các điểm b, c khoản 6 Điều 14 dự thảo Luật, đề nghị nghiên cứu, quy định cụ thể phương thức xác định các tỷ lệ tăng thêm về công suất thiết kế, tỷ trọng nguyên giá tài sản cố định đối với doanh nghiệp có dự án đầu tư mở rộng đảm bảo việc hưởng ưu đãi thuế đúng quy định. Trương tụt tại khoản 1 Điều 15 dự thảo Luật cần quy định phương thức xác định tỷ lệ lao động nữ trên tổng số lao động thường xuyên.</p>	<p>Nội dung dự thảo Luật đã giao Chính phủ quy định cụ thể tiêu chí nguyên giá tài sản cố định tăng thêm.</p>
	<p>UBND tỉnh Quảng Ninh (công văn số: 6645 /CTBGI-NVDTPC ngày 29/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>1. Tại khoản 4 Điều 14 quy định: “4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ 04.”</p> <p>Đề nghị sửa như sau: “4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư (trừ thu nhập từ thanh lý tài sản; công cụ dụng cụ, phế liệu; các khoản tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật nhận được; thu nhập từ hoạt động tài chính), trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ 04”.</p> <p>Lý do: Quy định để xác định rõ thời điểm miễn thuế, giảm thuế.</p> <p>2. Tại khoản 5 Điều 14 quy định: “a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động thuộc ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều 12 của Luật này để mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao</p>	<p>Nội dung dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành, thực tế thực hiện không phát sinh vướng mắc.</p> <p>Quy định này nhằm khuyến khích doanh nghiệp thực hiện đầu tư mở rộng, trường hợp doanh nghiệp có kế hoạch đầu tư mở rộng càng sớm thì càng hưởng ưu đãi nhiều hơn (do dự</p>

		<p><i>công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (đầu tư mở rộng) đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 6 Điều này thì phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại và không phải hạch toán riêng khoản thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng với thu nhập từ dự án đang hoạt động.</i></p> <p><i>b) Trường hợp dự án đang hoạt động đã hết thời gian hưởng ưu đãi thuế thì khoản thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế, giảm thuế. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới cùng ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký.</i></p> <p><i>Doanh nghiệp phải hạch toán riêng khoản thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng để áp dụng ưu đãi. Trường hợp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động đầu tư mở rộng xác định theo tỷ lệ giữa nguyên giá tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trên tổng nguyên giá tài sản cố định của doanh nghiệp.</i></p> <p><i>Đề nghị xem xét lại quy định tại điểm b khoản 5 Điều 14 để đảm bảo tính công bằng. Lý do: tính chất mở rộng tương tự trường hợp tại điểm a khoản 5 Điều 14 nhưng lại được lợi về thời gian ưu đãi; mặt khác quy định này dễ bị doanh nghiệp lợi dụng hạch toán thu nhập sang dự án mở rộng hoặc khai tăng chi phí đầu tư dự án mở rộng để hưởng lợi về thuế, chi phí.</i></p>	<p>án đầu tư mới được hưởng ưu đãi cả về thời gian miễn, giảm thuế và thuế suất ưu đãi). Dự thảo Luật cũng đã quy định việc hạch toán riêng cho phù hợp.</p>
	<p>UBND tỉnh Bắc Ninh (công văn số 3360/CTBNI-TTHT ngày 28/6/2024 của Cục thuế)</p>	<p>1. Về ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư mở rộng: Tại điểm a, b khoản 5 Điều 14 Dự thảo luật quy định về ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư mở rộng:</p> <p><i>“a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động thuộc ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều 12 của Luật này để mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (đầu tư mở rộng) đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 6 Điều này thì phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại và <u>không phải hạch toán riêng khoản thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng với thu nhập từ dự án đang hoạt động.</u></i></p>	<p>Quy định này nhằm khuyến khích doanh nghiệp thực hiện đầu tư mở rộng, trường hợp doanh nghiệp có kế hoạch đầu tư mở rộng càng sớm thì càng hưởng ưu đãi nhiều hơn (do dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi cả về thời gian miễn, giảm thuế và thuế suất ưu đãi). Dự thảo Luật cũng đã quy định việc hạch toán riêng cho phù hợp.</p>

b) Trường hợp dự án đang hoạt động đã hết thời gian hưởng ưu đãi thuế thì khoản thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế, giảm thuế. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới cùng ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh số vốn đầu tư đã đăng ký.

Doanh nghiệp phải hạch toán riêng khoản thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng để áp dụng ưu đãi. Trường hợp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động đầu tư mở rộng xác định theo tỷ lệ giữa nguyên giá tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trên tổng nguyên giá tài sản cố định của doanh nghiệp”.

Quy định trên dẫn đến cách hiểu rằng doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN có dự án đầu tư mở rộng thì thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng chỉ được hưởng ưu đãi theo dự án đầu tư đang hoạt động cho thời gian còn lại. Doanh nghiệp không còn được lựa chọn như quy định hiện hành đang áp dụng là (1) được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế TNDN theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (bao gồm mức thuế suất, thời gian miễn giảm nếu có) hoặc (2) được áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn hoặc lĩnh vực ưu đãi thuế TNDN.

Mặt khác, với quy định tại điểm b khoản 5 Điều 14 nêu trên thì khoản thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế, giảm thuế bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới cùng ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế TNDN **chỉ khi** dự án đầu tư ban đầu của Công ty đã hết thời gian hưởng ưu đãi. Quy định này có thể làm giảm động lực cũng như thu hút đầu tư của các nhà đầu tư khi họ muốn phát triển dự án đầu tư đang hoạt động do thu nhập từ đầu tư mở rộng chỉ được hưởng ưu đãi theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại, muốn hưởng ưu đãi như dự án mới thì phải chờ đến khi hết ưu đãi của dự án đang thực hiện.

Ngoài ra, quy định về việc hạch toán riêng khoản thu nhập tăng

thêm từ đầu tư mở rộng như điểm a) và b) nêu trên không nhất quán: điểm a) không yêu cầu hạch toán riêng, nhưng điểm b) thì bắt buộc hạch toán riêng.

Theo đó, để tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tiếp tục tạo động lực khuyến khích đầu tư, đề nghị giữ nguyên quy định về ưu đãi đầu tư mở rộng như trước đây, theo đó doanh nghiệp được lựa chọn hưởng đãi thuế TNDN theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (bao gồm mức thuế suất, thời gian miễn giảm nếu có) hoặc được áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn hoặc lĩnh vực ưu đãi thuế TNDN.

2. Về ưu đãi thuế đối với đầu tư mở rộng do sáp nhập, mua lại:

Tại điểm c Khoản 5 Điều 14 dự thảo Luật quy định:

“c) Ưu đãi thuế quy định tại khoản này không áp dụng đối với các trường hợp đầu tư mở rộng do sáp nhập, mua lại doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư đang hoạt động”.

Do đó, đề nghị bổ sung như sau:

*“c) Ưu đãi thuế quy định tại khoản này không áp dụng đối với các trường hợp đầu tư mở rộng do sáp nhập, mua lại doanh nghiệp hoặc **mua lại** dự án đầu tư đang hoạt động”.*

3. Về tiêu chí đối với đầu tư mở rộng

Tại khoản 6 Điều 14 Dự thảo Luật quy định 03 tiêu chí của dự án đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi dựa theo tiên độ hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký. Đây là quy định khó triển khai bởi việc xác định số vốn đầu tư hoàn thành trong thực tế là rất khó khăn do vốn của doanh nghiệp gồm vốn cố định và vốn lưu động luôn luôn vận động, thay đổi từng giờ. Pháp luật hiện hành cũng chưa có công thức xác định hoặc hướng dẫn về việc này. Do đó sẽ khó cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế trong việc xác định xem dự án đầu tư mở rộng của doanh nghiệp có đáp ứng tiêu chí đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi thuế hay không.

Thực tế trong thời gian qua, Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh và Ban quản lý các KCN Bắc Ninh cũng đã gặp khó khăn trong việc xác định vốn đầu

Quy định này nhằm khắc phục những vướng mắc phát sinh thời gian qua, đảm bảo tính khả thi khi thực hiện.

		<p>tu hoàn thành đối với dự án của Công ty TNHH Samsung Electronics và Samsung Display.</p> <p>Do vậy đề nghị không xác định tiêu chí ưu đãi thuế đối với đầu tư mở rộng mở rộng theo vốn đầu tư hoàn thành.</p>	
UBND tỉnh Phú Thọ (công văn số 1033/STC-TCDN ngày 28/6/2024 của Sở Tài chính)	<p>Quy định về miễn thuế, giảm thuế</p> <p>Điểm b khoản 5 Điều 14 dự thảo quy định: “<i>b) Trường hợp dự án đang hoạt động đã hết thời gian hưởng ưu đãi thuế thì khoản thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế, giảm thuế. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới cùng ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh số vốn đầu tư đã đăng ký</i>”.</p> <p>Đề nghị làm rõ khái niệm: “<i>Dự án đầu tư hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký</i>”. Đề nghị xem xét cách tính mốc thời gian, theo dự thảo trong trường hợp không hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký thì doanh nghiệp có dự án đầu tư mở rộng có phát sinh thu nhập chịu thuế cũng không được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế đã phù hợp hay chưa? Vì nội dung không hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký đã được điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp và Luật đầu tư, có quy định về thời gian góp vốn và xử phạt nếu góp vốn chậm.</p>	Việc hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký được thực hiện theo pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.	
UBND tỉnh Quảng Ngãi (công văn số 3145/CTQNG-NVDTPC ngày 01/7/2024 của Cục thuế)	<p>1. Khoản 5, Điều 14. Miễn thuế, giảm thuế.</p> <p>Tại điểm b khoản 5 Điều 14, “<i>b. Trường hợp dự án đang hoạt động đã hết thời gian hưởng ưu đãi thuế thì khoản thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế, giảm thuế. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới cùng ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký</i>”.</p> <p>Đề nghị quy định rõ nội dung “<i>dự án đầu tư hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký</i>” được thực hiện như thế nào để thuận lợi cho việc áp dụng của doanh nghiệp và của cơ quan Thuế. Nội dung này cũng được đề cập tại khoản 6 Điều này.</p> <p>2. Điều 15. Các trường hợp miễn, giảm thuế khác.</p>	<p>Việc hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký được thực hiện theo pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.</p> <p>Nội dung tại dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành và thực tế thực</p>	

		<p>a) Tại khoản 1 Điều 15, bổ sung đoạn “1. ... <i>tổng số lao động có mặt thường xuyên tại doanh nghiệp...</i>” thành “1. ... <i>tổng số lao động có mặt thường xuyên tại doanh nghiệp, được xác định theo quy định của pháp luật về lao động</i>”.</p> <p>Lý do: Để đảm bảo sự thống nhất về từ ngữ với quy định về pháp luật.</p> <p>b) Tại khoản 2 Điều 15, bổ sung đoạn “<i>Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao thành động là người dân tộc thiểu số, được giảm thuế TNDN bằng số chỉ thêm</i>” thành “<i>Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số, được xác định theo quy định của pháp luật về lao động, được giảm thuế TNDN bằng số chỉ thêm...</i>”.</p> <p>Lý do: Để đảm bảo sự thống nhất về từ ngữ với quy định về pháp luật</p> <p>c) Tại khoản 4 Điều 15, điều chỉnh đoạn “4. <i>Doanh nghiệp quy định tại các điểm a, khoản 2 Điều 10 Luật này thành lập mới từ hộ kinh doanh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế</i>” thành “4. <i>Doanh nghiệp quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 10 Luật này thành lập mới được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế</i>”.</p> <p>Lý do: Theo quy định trên thì doanh nghiệp thành lập mới từ hộ kinh doanh được miễn thuế TNDN trong 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế, chưa có chính sách ưu đãi cho Doanh nghiệp khởi nghiệp, điều này giảm động lực khuyến khích thành lập mới các doanh nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp. Do đó, bỏ cụm từ “<i>từ hộ kinh doanh</i>” nhằm khuyến khích các doanh nghiệp thành lập mới để được hưởng chính sách ưu đãi thuế TNDN.</p>	hiện không phát sinh vướng mắc.
	UBND tỉnh TP. Hải Phòng (công văn số 2467/CTHPH-TTHT ngày 27/6/2024 của Cục thuế)	<p>- Ý kiến 10:</p> <p>Tại khoản 5 Điều 14 quy định về ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư mở rộng:</p> <p>“5. Ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư mở rộng.</p> <p>a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động thuộc ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế TNDN quy định tại Điều 12 của Luật này để mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (đầu tư mở rộng) đáp ứng các tiêu chí quy định tại</p>	Đã giải trình tại các điểm trên

khoản 6 Điều này thì phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (Bao gồm cả thuế suất ưu đãi và thời gian miễn, giảm) và không phải hạch toán riêng khoản thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng với thu nhập từ dự án đang hoạt động.

b) Trường hợp dự án đang hoạt động đã hết thời gian hưởng ưu đãi thuế thì khoản thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế, giảm thuế. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới cùng ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế TNDN và được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh số vốn đầu tư đã đăng ký.

...”

Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định về dự án đầu tư mở rộng có gắn với bổ sung tăng vốn đầu tư.

Đồng thời đề nghị vẫn quy định việc doanh nghiệp lựa chọn áp dụng hình thức ưu đãi theo điểm a hoặc b vì nếu quy định như Dự thảo Luật là “*Trường hợp dự án đang hoạt động đã hết thời gian hưởng ưu đãi thuế thì khoản thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế, giảm thuế.*” thì sẽ thiệt thòi cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư đang hoạt động sắp hết thời gian ưu đãi mà không được lựa chọn ưu đãi theo điểm b.

- Ý kiến 11

Về ưu đãi thuế TNDN

Tại Điểm b, Khoản 5, Điều 14. Miễn thuế, giảm thuế:

“b) Trường hợp dự án đang hoạt động đã hết thời gian hưởng ưu đãi thuế thì khoản thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế, giảm thuế. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới cùng ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh số vốn đầu tư đã đăng ký.”

Tại Khoản 6, Điều 14. Miễn thuế, giảm thuế:

“6. Dự án đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi quy định tại khoản 5

		<p>Điều này phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <p>a) Nguyên giá tài sản cố định tăng thêm khi dự án đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động số vốn đầu tư đã đăng ký đạt mức tối thiểu từ hai mươi tỷ đồng đối với do Chính phủ quy định tương ứng với các trường hợp dự án đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực hướng ngành, nghề ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, theo quy định của Luật này hoặc từ mười tỷ đồng đối với các dự án đầu tư mở rộng thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Tỷ trọng nguyên giá tài sản cố định khi dự án đầu tư hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký tăng thêm đạt tối thiểu từ 20% so với tổng nguyên giá tài sản cố định trước khi bắt đầu đầu tư mở rộng.</p> <p>c) Công suất thiết kế tăng thêm khi dự án đầu tư hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký tối thiểu từ 20% so với công suất thiết kế trước khi bắt đầu đầu tư mở rộng.”</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ các nội dung: Căn cứ xác định thời điểm “hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký”, vì thời điểm được coi là “hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký” chưa được nêu định nghĩa cụ thể tại dự thảo Luật này cũng như các văn bản Luật khác.</p> <p>Ý kiến 12</p> <p>Tại Điều 15 quy định về các trường hợp miễn, giảm thuế khác:</p> <p>Đối với các nội dung: “... được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bằng số tiền chi thêm cho lao động ...” chưa rõ ràng, dẫn tới nhiều cách hiểu khác nhau, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cách hiểu thứ nhất: Số thuế TNDN được giảm bằng với số tiền thực chi thêm cho lao động. + Cách hiểu thứ hai: Số thuế TNDN được giảm bằng (=) số tiền thực chi thêm cho lao động nhân (x) thuế suất thuế TNDN (hoặc thuế suất thuế TNDN ưu đãi) mà doanh nghiệp đang áp dụng. <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể, rõ ràng hơn: “...được giảm số thuế TNDN phải nộp bằng số tiền chi thêm cho lao động ...”.</p>	
	<p>UBND tỉnh Hòa Bình (công văn số 1021/UBND-KTTH</p>	<p>Tại khoản 2 Điều 15 dự thảo, đề nghị làm rõ trường hợp miễn, giảm thuế khác đối với doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số. Đồng thời, quy định cụ thể phần trăm số người lao động là người</p>	<p>Dự thảo Luật kế thừa các quy định hiện hành và quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc.</p>

	ngày 28/6/2024)	dân tộc thiểu số đối với doanh nghiệp được áp dụng giảm thuế TNDN nhằm đảm bảo áp dụng thống nhất trong thực tiễn.	
	UBND tỉnh Cao Bằng (công văn số 1427/CTCBA-NVDTPC ngày 02/7/2024)	Tại điểm b khoản 5 Điều 15 Dự thảo, đề nghị sửa đổi nội dung "... đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu" thành "... đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu", do nội dung đang quy định cho đối tượng Hộ kinh doanh.	Nội dung quy định tại dự thảo Luật đã đảm bảo phù hợp với thực tế áp dụng cho đối tượng doanh nghiệp được thành lập từ hộ kinh doanh.
	Cục thuế tỉnh Quảng Nam (công văn số 5692/CTQNA-NVDTPC ngày 03/7/2024)	Tại điểm c khoản 4 Điều 15 quy định Các trường hợp miễn, giảm thuế khác Kiến nghị: bổ sung cụm từ " <i>doanh nghiệp bị cơ quan thuế ra thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký</i> ". "c) <i>Doanh nghiệp thành lập mới được miễn thuế, ưu đãi thuế..., không bao gồm trường hợp doanh nghiệp thành lập mới mà người đại diện theo pháp luật (...) thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất đã tham gia hoạt động kinh doanh với vai trò là người đại diện theo pháp luật, thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất trong các doanh nghiệp đang hoạt động hoặc đã giải thể nhưng chưa được 12 tháng tính từ thời điểm giải thể doanh nghiệp cũ đến thời điểm thành lập doanh nghiệp mới hoặc <u>doanh nghiệp bị cơ quan thuế ra thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký</u></i> ". Lý do: Để tránh trường hợp các doanh nghiệp chây ỳ không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, phí phát sinh với ngân sách nhà nước, cố tình bỏ địa điểm kinh doanh, sau một thời gian thành lập doanh nghiệp mới lợi dụng chính sách ưu đãi của nhà nước.	Nội dung ý kiến này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.
	UBND tỉnh Nghệ An (công văn số 5612/UBND-KT ngày 05/7/2024)	Tại khoản 4 Điều 15 dự thảo Luật: Nội dung: " <i>Doanh nghiệp quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 10 của Luật này thành lập mới từ hộ kinh doanh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế</i> " Đề nghị cân nhắc quy định này để tránh trường hợp lách Luật khi áp dụng trong thực tiễn. Ví dụ: Thay vì lập doanh nghiệp NNT có quy mô siêu nhỏ và nhỏ, NNT lựa chọn thành lập hộ kinh doanh và chuyển loại hình doanh nghiệp để được hưởng chính sách trên.	Dự thảo Luật đã có quy định về các trường hợp loại trừ để tránh lợi dụng.
10. Về chuyển lỗ (Điều 16 dự thảo Luật)			
	UBND tỉnh TP. Hải Phòng (công văn số	Ý kiến 13 Tại Điều 16 quy định về chuyển lỗ:	Nội dung này sẽ được nghiên cứu, chi tiết tại văn bản hướng dẫn Luật.

2467/CTHPH-TTHT ngày 27/6/2024 của Cục thuế)		<p>“Điều 16. Chuyển lỗ</p> <p>1. Doanh nghiệp có lỗ được chuyển lỗ sang năm sau; số lỗ này được trừ vào thu nhập tính thuế. Thời gian được chuyển lỗ tính liên tục không quá 05 năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ.</p> <p>2. Doanh nghiệp có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng dự án thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản; chuyển nhượng quyền tham gia dự án thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản; chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản được chuyển lỗ sang năm sau vào thu nhập tính thuế của hoạt động đó. Thời gian chuyển lỗ theo quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.</p> <p>Tổng cục Thuế đã có công văn số 4383/TCT-CS ngày 04/10/2023 trong đó có nêu “không có quy định chuyển lỗ trong trường hợp chi nhánh hạch toán độc lập chuyển sang hạch toán phụ thuộc”.</p> <p>Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định về việc chuyển lỗ của Chi nhánh hạch toán độc lập khi chuyển sang hạch toán phụ thuộc, chuyển lỗ của Chi nhánh hạch toán độc lập khi giải thể, phá sản để bảo đảm quyền lợi của người nộp thuế.</p>	
11. Về trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (Điều 17 dự thảo Luật)			
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (công văn số 5503/NHNN-TCKT ngày 02/7/2024)		<p>- Tại Điều 17 quy định về trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp: Hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về các khoản chi và việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.</p>	Việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp đang được thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Khoa học và công nghệ.
UBND tỉnh Bắc Ninh (công văn số 3360/CTBNI-TTHT ngày 28/6/2024 của Cục thuế)		<p>Về trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ</p> <p>Đề nghị thêm từ “<i>chủ</i>” vào cụm từ “chuyển đổi sở hữu” và cụm từ: <i>chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp</i> sau cụm từ chuyển đổi ở cuối câu tại khoản 5 Điều 17, cụ thể như sau:</p> <p>“5. Doanh nghiệp đang hoạt động mà có thay đổi do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp nhận sáp nhập từ việc sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi <u>chủ</u> sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp được kế thừa và chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của</p>	Nội dung tại dự thảo Luật đã đảm bảo thống nhất với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan.

		doanh nghiệp trước khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi <u>chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp</u>".	
	UBND tỉnh Thái Nguyên (công văn số 2834/CTTNG-NVDTPC ngày 28/6/2024 của Cục thuế)	<p>Quy định tại Điều 17 dự thảo - Điều 17. Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (<i>sau đây gọi tắt là Quỹ</i>).</p> <p>Hiện nay, doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới sáng tạo và phát triển khoa học và công nghệ. Đó vừa là nhu cầu nội tại của doanh nghiệp, vừa là động lực và lợi thế cạnh tranh của quốc gia. Do đó, cần có cơ chế hiệu quả để khuyến khích doanh nghiệp tích cực phát triển khoa học công nghệ. Với quy định về xử lý Quỹ được trích lập nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết 70%; thực tế thời gian qua cho thấy, mặc dù Doanh nghiệp rất muốn đầu tư vào Khoa học và công nghệ, nhưng cơ chế lại chưa thực sự khuyến khích doanh nghiệp trích lập Quỹ và tích lũy Quỹ cho các dự án nghiên cứu dài hạn. Lý do cụ thể như sau:</p> <p>Trường hợp tổng số tiền đã sử dụng từ Quỹ trích lập sau 5 năm và số tiền nộp về Quỹ các cấp vẫn nhỏ hơn 70% số Quỹ đã trích thì doanh nghiệp phải nộp 03 (ba) khoản:</p> <p><i>Một là</i>, phần thuế TNDN tính trên số tiền Quỹ còn lại.</p> <p><i>Hai là</i>, phần lãi phát sinh từ số thuế TNDN đó áp dụng tại thời điểm thu hồi và thời gian tính lãi là 02 năm. Lãi suất tính lãi tính theo tín phiếu kho bạc là 4,59%/năm.</p> <p><i>Ba là</i>, nếu doanh nghiệp sử dụng Quỹ không đúng mục đích, cơ quan thuế phát hiện qua kiểm tra, sẽ tính tiền chậm nộp thuế theo quy định hiện hành của Luật quản lý thuế là 0,03%/ngày.</p> <p>Vì vậy, Hiệp hội kiến nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu lại nội dung quy định tại khoản 2 điều 17 dự thảo theo hướng kéo dài thời hạn sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ từ 05 năm lên thành 10 năm để phù hợp với các dự án Khoa học và công nghệ dài hạn, nhằm khuyến khích doanh nghiệp tích cực phát triển khoa học công nghệ.</p>	Nội dung dự thảo Luật kế thừa các quy định hiện hành. Ngoài ra, việc quy định thời hạn sử dụng kể từ khi trích lập quá dài (10 năm) sẽ khó khăn trong công tác theo dõi, thanh quyết toán.
12. Về điều kiện áp dụng ưu đãi thuế (Điều 18 dự thảo Luật)			
	UBND tỉnh Hà Tĩnh (công văn số 2110/CTHT-NVDTPC ngày 28/6/2024 của Cục thuế)	<p>Tại Điều 18. Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế</p> <p>Đề nghị bổ sung như sau:</p> <p>1. "<i>Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại các Điều 13, 14 và 15, 16 và 17 của Luật này áp dụng đối với doanh nghiệp không vi phạm và thực hiện chế độ kế toán đầy đủ, các quy định về sử dụng hóa</i></p>	Luật thuế TNDN hiện hành đã quy định nội dung này và thực hiện ổn định, không phát sinh vướng mắc.

	<p>UBND tỉnh Kiên Giang (công văn số 1034/CTKGI-NVDTPC ngày 02/7/2024 của Cục thuế)</p>	<p><i>đơn, chứng từ và nộp thuế theo kê khai”.</i></p> <p>Đề xuất sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 18, thành: “Điều 18. Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế 3. Thuế suất 20% 15% và 17% quy định tại khoản 2 Điều 10 và quy định về ưu đãi thuế tại khoản 1 và khoản 4 các Điều 4, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 của Luật này không áp dụng đối với: Lý do: Cùng là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ áp dụng 02 mức thuế suất khác nhau không phù hợp và không khuyến khích doanh nghiệp phát triển. Để phù hợp với đề xuất của Cục Thuế về việc thống nhất một mức thuế suất 17% tại Khoản 2 Điều 10.</p>	<p>Quy định tại dự thảo nhằm khuyến khích, hỗ trợ hơn đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ theo đúng chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.</p>
	<p>UBND tỉnh Nghệ An (công văn số 5612/UBND-KT ngày 05/7/2024)</p>	<p>1. Tại khoản 2 Điều 18 dự thảo Luật: <i>“... trường hợp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu hoặc chi phí của hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế trên tổng doanh thu hoặc tổng chi phí của doanh nghiệp”</i> Đề nghị sửa thành: <i>“... trường hợp không hạch toán riêng được thì doanh nghiệp được lựa chọn xác định thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế theo tỷ lệ giữa doanh thu hoặc chi phí của hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế trên tổng doanh thu hoặc tổng chi phí của doanh nghiệp”</i> Lý do: Để làm rõ quy định người nộp thuế hay cơ quan thuế được lựa chọn cách thức xác định thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế trong trường hợp trên để dễ áp dụng trong thực tiễn.</p> <p>2. Tại khoản 3 Điều 18 dự thảo Luật: <i>“... Thuế suất 15% và 17% quy định tại khoản 2 Điều 10 và quy định về ưu đãi thuế tại các Điều 4, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 của Luật này không áp dụng đối với: ...”</i> Đề nghị sửa thành: <i>“... Thuế suất 15% và 17% quy định tại khoản 2 Điều 10 và quy định về ưu đãi thuế tại các Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Luật này không áp dụng đối với: ...”</i> Lý do: Để phù hợp với các nội dung ưu đãi đã nêu tại dự thảo.</p>	<p>Luật thuế TNDN hiện hành đã quy định nội dung này và thực hiện ổn định, không phát sinh vướng mắc.</p> <p>Điều 15 dự thảo Luật quy định về các trường hợp miễn, giảm thuế theo điều kiện đã quy định cụ thể tại Điều này.</p>

13. Về thuế TNDN bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu (Điều 19- Điều 25 dự thảo Luật)

	<p>Bộ Công thương (công văn số 4944/BCT-KHTC ngày 12/7/2024)</p>	<p>Liên quan đến Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu</p> <p>- <i>Thứ nhất</i>, Hiệp định Trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM) trong khuôn khổ Tổ chức thương mại Thế giới (WTO) đã đưa ra các quy định về các trường hợp trợ cấp bị cấm và trợ cấp có thể bị đối kháng. Đây là những trường hợp mà nếu xảy ra trên thực tế, có thể gây ra những quan ngại cho các Thành viên WTO, thậm chí có thể bị khiếu kiện nếu gây ra tổn hại nghiêm trọng cho các Thành viên đó. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đảm bảo việc áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp phù hợp với quy định trong Hiệp định SCM.</p> <p>- <i>Thứ hai</i>, việc điều chỉnh quy định áp dụng ưu đãi thuế TNDN là cần thiết nhằm tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài là hết sức cần thiết nhằm tiếp tục tạo ra động lực tăng trưởng cho Việt Nam trong thời gian tới. Tuy nhiên, cần lưu ý việc thực hiện ưu đãi thuế TNDN cho các nhà đầu tư nước ngoài cần phải gắn kết quả thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trên thực tế của nhà đầu tư đó tại Việt Nam.</p> <p>Đồng thời, cần xem xét yếu tố dành ưu đãi thuế TNDN cho các nhà đầu tư nước ngoài hỗ trợ cho doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu để đảm bảo doanh nghiệp Việt Nam được hưởng lợi từ hiệu ứng lan tỏa vốn đầu tư nước ngoài, chuyển giao công nghệ, chuyển giao kiến thức và nâng cao năng lực sản xuất.</p>	<p>Nội dung này sẽ được nghiên cứu tại các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện các quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.</p>
<p>Điều 19</p>	<p>Thanh tra Chính phủ (công văn số 1485/TTCP-V.II ngày 15/7/2024)</p>	<p>Đối với khoản 18 Điều 19 dự thảo Luật đề nghị cân nhắc bố cục vào Chương I đảm bảo sự phù hợp.</p>	<p>Tiếp thu</p>
	<p>Cục thuế tỉnh Quảng Nam (công văn số 5692/CTQNA-NVDTPC ngày 03/7/2024)</p>	<p>Tại điểm a khoản 10 Điều 19 quy định Một số từ ngữ Kiến nghị: Bổ sung các cụm từ vào khái niệm về Báo cáo tài chính hợp nhất như sau</p> <p><i>"10. Báo cáo tài chính hợp nhất là:</i></p> <p><i>a) Báo cáo tài chính do công ty lập theo chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận, trong đó tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán của công ty đó và các công ty khác mà công ty đó có</i></p>	<p>Nội dung dự thảo Luật kế thừa đúng quy định tại Nghị quyết số 107/2023/QH15.</p>

		<i>quyền kiểm soát được trình bày dưới dạng báo cáo của một đơn vị kinh tế duy nhất như một công ty độc lập”.</i>	
Điều 21	UBND tỉnh Cà Mau (công văn số 1417/CTCMA-NVDTPC ngày 28/6/2024)	Tại khoản 6 Điều 21 Dự thảo Luật thuế TNDN quy định: “6. Lợi nhuận tính thuế bổ sung được xác định theo quy định tại khoản 6 Điều 4 của <u>Nghi quyết này</u> ”.	Tiếp thu, thể hiện tại dự thảo Luật.
	UBND tỉnh Nghệ An (công văn số 5612/UBND-KT ngày 05/7/2024)	Đề nghị sửa như sau: “6. Lợi nhuận tính thuế bổ sung được xác định theo quy định tại khoản 6 Điều 20 của <u>Luật này</u> .”	
	UBND tỉnh Quảng Ninh (công văn số: 6645 /CTBGI-NVDTPC ngày 29/6/2024 của Cục thuế)		
Điều 24	UBND tỉnh Điện Biên (công văn số 366/CTHGI-NVDTPC ngày 10/4/2023 của Cục thuế)	Tại khoản 2 Điều 24, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa như sau để nội dung được chính xác: “2. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực ” “3. Bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan: a) Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; b) Khoản 4 Điều 75 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14”	Nội dung quy định tại dự thảo Luật cũng cho cách hiểu tương tự.
Điều 25	UBND tỉnh Điện Biên (công văn số 366/CTHGI-NVDTPC ngày 10/4/2023 của Cục thuế)	Tại khoản 1 Điều 25 hướng dẫn thi hành quy định “ <i>Chính phủ quy định chi tiết các nội dung được giao quy định tại: khoản 2, khoản 5 Điều 2; Điều 3; khoản 1, 4, 5, 8, 14 Điều 4; khoản 3 Điều 8; Điều 9; điểm c khoản 2 Điều 10; khoản 3, 4 Điều 12; điểm d khoản 1 Điều 13; Điều 16; khoản 1, điểm d khoản 3 Điều 18 và Chương IV của Luật này</i> ”, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định này để tránh trùng lặp về nội dung	Tiếp thu
	UBND tỉnh Phú Yên (công văn số	Đề nghị bỏ Điều 25 Dự thảo vì nội dung giao “ <i>Chính phủ, Bộ Tài chính quy định chi tiết</i> ” đã được quy định cụ thể tại các điều, khoản, điểm	Việc quy định cụ thể nhằm tạo thuận lợi trong thực hiện.

	1874/CTPHY-NVDTPC ngày 28/6/2024)	nên không cần thiết phải quy định một Điều cụ thể để nhắc lại các điều, khoản, điểm được giao.	
	UBND tỉnh Thái Nguyên (công văn số 2834/CTTNG-NVDTPC ngày 28/6/2024 của Cục thuế)	<p>Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên có ý kiến: Theo Điều 25 Dự thảo Luật thuế TNDN, Chính phủ sẽ hướng dẫn bằng Nghị định ít nhất 11 nội dung, và Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn bằng Thông tư ít nhất 04 nội dung của Luật thuế TNDN. Còn đối với Luật thuế TNDN hiện hành, Chính phủ đã ban hành 06 Nghị định, Bộ Tài chính đã ban hành 12 Thông tư hướng dẫn thi hành. Căn cứ khoản 2 điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, có quy định như sau:</p> <p>“Điều 11. Văn bản quy định chi tiết 2. (...) Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh và phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết.”</p> <p>Hiệp hội đề nghị các cơ quan được giao soạn thảo văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN quan tâm xây dựng và sớm trình dự thảo văn bản, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, thuận tiện cho doanh nghiệp trong việc dự báo chính sách, tra cứu, áp dụng và tuân thủ Luật thuế TNDN.</p>	Tiếp thu
14. Về các nội dung khác			
	UBND tỉnh Long An (công văn số 3265/CTLAN-NVDTPC ngày 11/7/2024 của Cục thuế)	<p>Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính có quy định về điều kiện áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư mới, theo đó: Dự án được hưởng ưu đãi đầu tư phải có Giấy chứng nhận đầu tư, ngoại trừ trường hợp dự án đầu tư trong nước gắn với việc thành lập doanh nghiệp mới có vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam. Khoản 2 Điều 36 Luật đầu tư năm 2014, khoản 2 Điều 37 Luật Đầu tư năm 2020 quy định dự án của nhà đầu tư trong nước không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư (không phân biệt mức vốn đầu tư là 15 tỷ đồng như quy định tại Điều 45 Luật Đầu tư năm 2005). Tuy nhiên, Thông tư số 96/2015/TT-BTC chưa được sửa đổi, bổ sung để cập nhật quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Đầu tư năm 2020.</p> <p>Ngoài ra, quy định về việc yêu cầu phải có giấy chứng nhận đầu tư để được hưởng ưu đãi tạo thêm thủ tục hành chính, không phù hợp quy định tại Điều 17 Luật Đầu tư năm 2020, theo đó nhà đầu tư căn cứ văn bản</p>	Nội dung này sẽ được nghiên cứu, thể hiện tại Nghị định hướng dẫn Luật.

		<p>chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có), giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có), quy định khác của pháp luật có liên quan, tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan Thuế.</p> <p>Khoản 4 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính quy định về việc hưởng ưu đãi thuế TNDN phải đáp ứng địa bàn kinh tế xã hội khó khăn theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 218/2013/NĐCP ngày 26/12/2013 của Chính phủ. Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP đã bị bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ (Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ban hành danh mục mới về địa bàn ưu đãi đầu tư thay thế). Hiện nay, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư năm 2020 đã được ban hành, thay thế Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, tuy nhiên, Thông tư số 96/2015/TT-BTC chưa được thay đổi, bổ sung để cập nhật quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP về danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.</p>	
		<p>Ngoài ra, còn một số ý kiến đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại các lỗi chính tả, thể thức trình bày văn bản theo quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước; trình bày dự thảo theo bố cục Chương, điều, khoản, điểm để thuận tiện cho quá trình áp dụng, viện dẫn, không sử dụng các ký hiệu khác để thể hiện các ý trong một điểm; không viết tắt khi chưa có quy định về các nội dung viết tắt ...</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật.</p>